

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|----------------|
| — Tranh Nhật với công chúng Annam | NGHỆ-SĨ |
| — Trường Cao-dẳng Đông-dương hiện tại và tương lai. | TÂN-PHONG |
| — Dịch thơ Đường — Trường hận ca. | VŨ-ĐÌNH-LIÊN |
| — Mấy điều cần biết về thể lệ trước-hạ các văn tự của người Nam. | VỊ-HÀ |
| — Đọc sách « một sức khỏe mới » và « Nguồn sinh lực » | DIỆU-ANH |
| — Những tư tưởng buổi chiều. | ĐÌNH-GIA-TRINH |
| — Giáo dục thanh-niên và nền sơ-học ở nước ngoài. | VŨ-ĐÌNH-HÒE |
| — Trách-nhiệm của các văn-sĩ và nghệ-sĩ. | ĐÌNH-GIA-TRINH |
| — Một vài phương-châm hướng dẫn người ốm trong lúc chữa bệnh. | VŨ-VĂN-CẦN |
| — Đứa con, tiểu thuyết dài. | ĐỖ-ĐỨC-THU |
| — Thế giới trong tháng vừa qua. | V. L. |

NHÂN DỊP HỘI CHỢ HANOI THÁNG DÉCEMBRE 1941

Báo Thanh-Nghị sẽ ra :

MỘT SỐ ĐẶC BIỆT VỀ Kinh-tế Đông-dương

Có những bài của :

Tân-Phong, Duy-Tâm, Vũ-đình-
Hòe, Đình-gia-Trình, Đỗ-xuân-
Sảng, Phan-Anh, Vũ-văn-Hiến,
Phạm-gia-Kính, Lê-huy-Vân v. v.

Nói về sự sản-xuất, thương-mại, kỹ-nghệ, canh-nông, xã-hội, dân số cùng những vấn-đề kinh-tế đương làm cho mọi người phải lưu-tâm.

« Những số, những sự thật, những ý-kiến thiết-thực mà ai cũng nên biết về nền kinh-tế nước nhà ».

CÔNG chúng ta đi xem cuộc bày tranh thủy họa Nhật ở Khai-tri vừa rồi hầu hết đều thú nhận không hiểu cái hay của những tác-phẩm ấy ở chỗ nào. Lời thú nhận có khi thực-thà, song thường thường ngụ ý chê-bai. Tôi thiết tưởng trước khi khen hay chê, chúng ta nên hiểu cái óc sáng tạo của Hội-họa Nhật ra sao, và nhớ lại chúng ta hiểu về đẹp theo quan-niệm gì.

Số đông công chúng ta theo về phương-diện tả chân. Khi xét một họa-phẩm, ý nghĩ đầu tiên của ta là đem so-sánh với thực hiện, vì ta tin rằng bức tranh là một cảnh tách ra ở tạo vật để lồng khung, rằng mục-đích của bức tranh là chép đúng thực hiện. Nói tóm lại, ta hạ con mắt nhà nghệ sĩ xuống tầm con mắt của máy ảnh, và đặt tác-phẩm hội-họa vào địa vị tờ ảnh.

Khuynh-hướng ấy chưa ai từng thấy bao giờ ở những họa-phẩm kiệt-tác tự cổ tới kim v... từ Đông sang Tây, một cách đại thể, trong mỹ-thuật giới, giá-trị mỹ-công là cái tinh-thần kết tạo của nghệ-sĩ, cái bản năng mỹ-thuật của nghệ-sĩ, chứ không ở sự chép đúng sự thực hiện.

Trong hội họa Âu-tây, sự kết tạo mỹ-thuật còn dựa vào thực hiện nhiều nhưng không bao giờ nó lệ thực hiện quá quắt. Ở tranh Tây ta còn thấy Hình, Sắc, Ánh-sáng, những hiện-trạng mà ta đã thấy trong tạo vật, vậy mà nhiều khi công chúng ta còn không hiểu; nói chi đến tranh Tàu, Nhật, một thứ mỹ-thuật mà ở đấy Ánh-sáng không bao giờ tả Sắc màu hơi tưa hay khác hẳn thực hiện (như mực Tàu dùng để tả bất cứ một màu nào), còn hình thể nhiều khi chỉ là những nét

TRANH NHẬT VỚI CÔNG CHÚNG AN - NAM

bút quét theo chiều tay họa-sĩ. Bởi vậy, trông họa-phẩm Nhật ta thấy những vật kỳ lạ bí hiểm.

Quan niệm hội-họa Nhật không chú trọng đến cái vỏ ngoài của thực hiện. Cho nên bức tranh Nhật không phải là bài tả cảnh giải giòng tỉ-mỉ cần-thận về sự vật. Bằng những nét sơ sài, và những màu dùng có độ, tranh Nhật làm cho ta hội ý đến sự vật, hơn là bày sự vật ra trước mắt ta một cách phân minh tách bạch. Ta phải cảm mới thấy-chứ không nhìn được. Duyên cớ ấy khiến đến cả một số nhà nghệ cũng không hiểu họa-phẩm Nhật một cách dễ-dàng.

Vậy chúng ta hãy cất những tư hướng của chúng ta đi, đừng tìm cái « chân lý máy ảnh » ở tranh Nhật (hay là ở tranh nào cũng vậy). Ở tranh « con chuột » của Takenchi chẳng hạn, những nét sơ tua bút và vài vết màu sẫm đã làm rung động sự sống của con vật, và mấy đường quét sắc sanh vàng đã cho ta hội ý được thể chất rắn-cứng của hai trái đu đủ. Mực Tàu hơi hoen một chút đỏ của Araki đã khéo đậm nhạt để ta cảm thấy cái mình mấp-mấp của mấy cánh hoa, và mấy con chim sẻ đứng gần đấy chả biết tác giả dùng nghệ thuật để khi ta nhìn nó ta thấy họa-sĩ vẽ nó với tất cả tinh anh yếm mà người ta có được. Tranh của Hashimoto là một cảm-giác về mưa, bày tỏ một cách rất tiện nét bút và nước mực. « Hai con mèo » của Fujita, « con sóc » của Sakakibara, những chim của Tanoguchi và Yamaguchi đều sống đầy vẻ dễ yêu...

Ở toàn-thể tác-ph... ng bày, chúng ta nhận thấy sự giản-dị trong cách dùng màu, giản-dị từng nét bút, giản-dị đến cả đầu đề. Một cánh hoa, một cậu người, một con bọ, vài quả cà... cũng gây nên một cảm-giác mỹ-thuật.

Những đặc-tính hội-họa Nhật đã làm lộ ra những mỹ-cảm mới và một hiện-trạng lạ của mỹ-thuật mà một số đông chúng ta bây giờ mới biết.

NGHỆ-SĨ

Thông-chế Pétain đã nói :

« Ai cũng phải tùy theo địa-vị mình
« mà phụng sự Quốc-gia Cách mệnh.
« Ai cũng phải tận tâm lo tròn bổn-
« phận đối với nước, và hằng nhớ
« rằng ta đang dự vào một việc
« công ích lớn lao, cao thượng.

« Làm một việc rất nhỏ mà vẫn
« biết trông ra một tầm cao rộng thì
« sự đó cũng đủ làm cho ta mãn-
« nguyện, hài lòng ».

Trường Cao-dẳng Đông-Du'ong HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

(Tiếp theo kỳ trước)

II

Trường cao-dẳng Luật - học (1) của TẤN PHONG

KỶ trước tôi đã nói hằng năm có một vị giáo-sư được cử sang để trông nom các kỳ thi và kiểm soát cách giảng giầy ở đây. Không những thế, văn-bằng Luật-khoa Cử nhân cũng do trường Đại-học Paris cấp cho các sinh-viên tốt nghiệp ở Hanoi.

Sự kiểm-soát của trường Đại-học Paris là một thứ đảm-bảo rất quý, nhờ cách giảng-giầy và thi cử ở đây luôn luôn phải theo kịp những phong-trào tư-tưởng mới bên Pháp. Một thứ đảm-bảo nữa là sự chọn lọc giáo-sư: cũng như ở Pháp, giáo-sư trường Luật chọn trong các người Tiến-sĩ Luật có ba bằng Cao-dẳng Luật-học (1) và đã qua một kỳ thi chuyên-môn rất khó (agrégation de droit) thi ở Paris.

Từ năm 1933 đã có các giáo-sư chuyên-môn (agrégés) sang đây; có năm về mỗi môn (công-pháp, tư-pháp, kinh-tế) có tới hai giáo-sư chuyên môn. Nhưng vẫn không đủ giầy nên cũng có vài giáo-sư là Tiến-sĩ Luật-khoa đã dự vào kỳ thi chuyên-môn nhưng chưa đỗ; ngoài ra mỗi năm còn nhiều khoa phải giao cho những giảng-viên (chargés de cours) chọn trong các viên-chức có bằng Tiến-sĩ và có tiếng là giỏi về các khoa đó (quan tòa, quan cai-trị v. v.).

Vì theo sắc-lệnh Aout 1941 thi từ học-khoa 1941-1942 sẽ mở thêm ban Cao-dẳng-tư-pháp (études supérieures de Droit privé), tức là ban đầu tiên giầy sinh-viên theo chương-trình Luật-khoa Tiến-sĩ.

Nhân tiện nên nói qua về lối giầy Luật về bậc này ở Pháp. Học xong chương-trình Luật-khoa cử-nhân, sinh viên Pháp mới bắt đầu chuyên về một thứ: công-pháp hay công-dân pháp (droit public gồm có luật hiến-pháp, luật cai-trị, luật quốc tế); tư-pháp (droit privé gồm có dân-luật, hình-

luật, luật thương-mại v. v.); kinh-tế học (Economie Politique) và Luật La-mã cùng Pháp-Luật Sử-học (Droit romain et Histoire du Droit). Mỗi thứ đó học riêng, để thi lấy văn-bằng Cao-dẳng luật-học (diplôme d'études supérieures de Droit). Thi bằng này chỉ có vấn-đáp. Thi-sinh phải bắt buộc có hai bằng Cao-dẳng luật-học (trong bốn bằng kể trên thi mới được trình luận án (thèse) để lấy bằng-cấp Luật-khoa Tiến-sĩ.

Từ năm nay tại trường Luật Hà-nội mới mở ban Cao-dẳng Tư-pháp. Muốn thi Tiến-sĩ, sinh-viên còn phải qua một trường Đại-học Pháp để thi một bằng Cao-dẳng nữa và để trình luận-án.

Ngoài sự thiếu thầy chuyên-môn, trường Luật Hà-nội còn thiếu thốn nhiều sách vở là những khi-cụ tối-cần cho bậc học cao. Ở đây, hiện nay chỉ có những sách học và mười thứ tạp-chi chuyên-môn thông-thường; những sách khảo-cứu tường-tận về một khoa hay một vấn-đề và nhất là các tạp-chi chuyên-môn có tiếng trong hoàn-cầu nhưng viết bằng tiếng ngoại-quốc đều thiếu. Điều khuyết-diểm đó đã làm cho vài năm trước đây một vài giáo-sư ở trường Luật cũng ngần ngại khi nói đến việc lập ban Cao-dẳng Luật học.

Trường Cai-trị Đông-duong

Trên đây, nói đến cách tổ-chức sự học Luật ở Đông-duong để dẫn sinh-viên đến những văn-bằng mà trước năm 1932 họ phải sang Pháp mới thi được.

Sự học luật theo chương-trình bên Mẫu-quốc giầy cho sinh-viên biết một phương-pháp và biết những nguyên tắc mà hiện nay nước văn-minh nào cũng công-nhận. Nhưng Đông-duong ở vào một hoàn cảnh kinh-tế, chính-trị và xã-hội khác với Pháp; những dân-tộc sống ở Đông-duong, nhất là dân-tộc Việt-Nam có những phong tục riêng và từ lâu đã sẵn có một nền văn-minh khác với văn-minh Âu-châu và có liên-lạc mật-thiết với văn-minh các dân-tộc ở Á-dông. Vì luật-pháp chỉ là phản-ảnh của xã-hội, nên cũng như trường Mỹ-thuật cổ gây cho nghệ thuật ta có một tính-cách riêng, trường Luật-học Hà-nội cũng có những ban chuyên về Luật-pháp và kinh-tế xứ này.

(1) Theo sắc lệnh 17-10-1941, Các trường Cao-dẳng Luật, Thước và Bảo chế, từ nay đổi gọi là trường Đại-học. Xem dưới đây, về chương-trình Luật-khoa tiến-sĩ.

Vài năm sau khi lập trường Luật, người ta cũng đã lập ban giấy về luật Đông-dương cho các sinh-viên đã có bằng Cử-nhân luật-khoa. Chương-trình học dồn vào một năm, gồm có luật Cai-trị Đông-dương, Dân-luật, Hình-luật và luật tổ-tụng Việt-Nam cùng kinh-tế Đông-dương. Từ năm 1939 ban ấy đổi thành trường Cai-trị (Ecole d'Administration) chuyên luyện các sinh-viên có bằng Cử-nhân để thi vào các công sở, nhất là thi tri-huyện ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ : vì thế ngoài các môn luật pháp lại còn giấy vài khoa, như lịch-sử Đông-dương nữa.

Nguyên tắc cách tổ-chức này rất hay. Sau ba năm học chương-trình Luật-khoa cử-nhân, sinh-viên cần học thêm một năm để biết luật pháp và kinh-tế xứ mình. Vả chăng ở Paris, trường tư Sciences Politiques rất có danh tiếng cũng có những lớp chuyên luyện học trò dự các « kỳ thi cao » (grands concours) như thi vào Conseil d'Etat (Quốc-gia Pháp - viên) vào Cour des Comptes ; thanh-tra tài - chính (inspection des Finances), lãnh sự và ngoại giao (corps consulaire et diplomatique) v. v.

Nhưng sự thật thì một phần vì thiếu tài-liệu để giảng dạy thiếu giáo-sư chuyên môn, một phần nữa vì thanh-niên Việt-nam có ít nghề cần những kiến thức chu-ên môn, nên ban Luật-học Đông-dương hiện nay tổ chức còn sơ-sài, không thể so sánh với những ban chuyên môn của trường Sciences Politiques được. Lối giấy ở đây cũng còn dựa theo các lớp Cử-nhân và hiện nay không có những buổi thực hành (exercices pratiques) để bắt học-trò tự tìm tòi lấy.

Viện Viễn-đông Cao-học

Cũng thuộc về trường Luật nhưng theo đuổi một mục đích rộng và cao hơn trường Cai trị Đông-dương là Viện Viễn-đông Cao-học (Institut des Hautes Etudes Extrême-Orientales) do sắc lệnh Aoút 1939 lập ra.

Mục-dịch cơ-quan này là tập-trung và khuyến khích những sự khảo-cứu về Luật Pháp và kinh-tế Đông-dương và Viễn-đông. Đây không phải là một trường học nữa mà là nơi thu-thập tài liệu và nơi liên lạc những người theo đuổi công cuộc khảo cứu các khoa đó.

Viện đặt dưới quyền kiểm-soát của trường Đại-học luật nhưng ông giám-đốc trường Viễn-đông Bác-cổ (Ecole Française d'Extrême-Orient) cũng có chân trong ban quản-trị ; muốn cho công-việc sưu-tầm có kết quả, viện phải trực-tiếp với kho tàng sách của trường Bác-cổ.

Viện Viễn-đông Cao-học đã bắt đầu làm việc từ đầu năm 1940 nhưng hiện nay còn đương ở

trong thời kỳ phôi thai nên công việc chính còn đương là sự thu nhậ các tài liệu.

Ở đây ta cũng lại gặp hai điều khó khăn là thiếu người chuyên-môn và thiếu sách vở. Muốn sáng tác một công trình gì về Pháp-luật hay kinh-tế Viễn-đông hay Đông-dương, không những cần hiểu thấu hai khoa Pháp-luật và kinh tế mà còn cần phải biết tiếng bản xứ, chữ nho và chữ ngoại quốc (Nhật, Anh, Đức) để xem những tài liệu thu nhậ được.

Hiện nay ở đây chưa có người đủ những điều kiện ấy.

Nhưng sự hăng hái của những giáo-sư trẻ tuổi trường Luật, cũng như tinh chăm chỉ và tri thông minh của sinh-viên Việt-Nam làm cho ta có thể tin chắc ở tương lai tốt đẹp của cơ-quan này :

Về phương-diện khoa-học, thì rồi đây viện đó cũng như trường Viễn-đông bác-cổ sẽ có thể cùng với những cơ-quan tương-tư ở Mỹ, Nhật, Tàu, Pháp, Đức đem rọi những tia sáng mới mẻ vào cái kho tàng quý báu của nền văn-minh Viễn-đông.

Đừng riêng về phương-diện người Việt-nam, thì rồi đây nhờ ở sự tìm tòi của Viện này mà ta sẽ dần dần nhận rõ những đặc tính của xã hội và Pháp-luật nước ta, không những thế, ta còn hy-vọng rằng rồi ra trong vài chục sinh viên hàng năm tốt nghiệp ở trường Luật học Hà-nội ra, ngoài những người đem sở-học mà thực hành vào công việc hàng ngày, còn có một thiểu số thành những luật-gia hay kinh-tế-gia có danh tiếng gây nền móng cho hai khoa đó ở xứ ta.

Kết luận bài này, tôi đặt tất cả lòng tin vào sự cần lao và trí sáng kiến của thanh niên Việt-Nam mà tôi đã có nhiều dịp nhận thấy cái chân giá-trị.

Trường Y học

Lịch sử

Trường Y-học Đông-dương thành lập ngày mùng 8 tháng giêng năm 1902. Người giám đốc đầu tiên là Bác-Sỹ Yersôn. Học trò sau 4 năm học sẽ được Nhà Nước trọng-dụng. Ngạch Y-sĩ Đông-dương có từ đây.

Năm 1904 có mở thêm trường Nữ-Hộ-Sinh (Ecole des Sages-femmes). Cùng năm ấy những người vào học trường Thuộc dân buộc phải có bằng Thành-chung (enseignement primaire supérieur) và trường bắt đầu có nhà thương thực hành, tức là nhà thương Bảo hộ.

Năm 1907, xong Khóa Y-sĩ đầu tiên. Và từ nam sau, chương trình học chấn chỉnh lại, có mở thêm lớp học giải phẫu (anatomie), lớp Bệnh học (Pathologie) và khoa Hộ-sinh (obstétrique). Năm 1914 có thêm ban Bào Chế. Năm 1919 trường Thuộc có lớp Vật lý học, Hóa học và Tự-nhiên

học (P.C.N). Đó là bước đầu tiên của trường Thuộc Đông-dương lên nền Cao-đẳng, cho tới năm 1923 mới được chính thức là trường Kiêm-bị Cao-đẳng Y và Dược-học (Ecole de Plein Exercice de Médecine et de Pharmacie). (Tuy vậy vẫn giữ ban Y-sĩ và Dược-sỹ Đông-dương.)

Từ đây 4 năm đầu của Y học và 3 năm đầu của Dược học thì ở Hanoi đến kỳ thi năm thứ năm ở Y-học có đề luận án và năm thứ 4 Bào chế, học trò qua Pháp.

Để tránh sự phiền-phức ấy, năm 1933 chiếu theo sắc-lệnh ngày 19 tháng 10 trường Thuộc được hoàn toàn đủ điều kiện một trường Cao-đẳng Ngay tại Hanoi có thể cho học trò trường Y-học học tới Bác-sỹ của Chính-phủ (Doctorat d'Etat), trường Dược-học học tới Dược-sĩ hạng nhất (Pharmacien de 1re classe).

Mới muốn cho các chi nhánh của Đại-học Paris ở Đông dương này được đầy đủ, hai đạo sắc ra ngày 28 tháng 9 năm 1938 lập trường Nha-học (Ecole d'odontostomatologie) và ngày 1 tháng chạp 1938 cho phép trường được cấp cho người ngoại quốc theo học tại Đông dương bằng Bác-sỹ riêng của trường cao-đẳng Hanoi (Doctorat d'Université). Vì trường Thuộc Hanoi sát-nhập vào trường Đại-học Paris, nên cứ hàng năm đến kỳ thi năm thứ sáu có đề luận án, Hàn lâm viện Paris lại cử một giáo-sư sang chủ tọa.

Cử-chỉ ấy không những có giá-trị về pháp luật mà còn chứa chan ý-nghĩa về tinh-thần. Mỗi khi có một Lão giáo-sư Paris bước chân tới Hanoi thì ta lại thấy cái giấy lộn-lạc dằng buộc Hanoi với Paris càng thêm khăng khít, và tuy phần đông ta không được sang du học Paris, ta vẫn tự nhủ: cái trường Cao-đẳng xa xôi này vẫn được Paris săn sóc và bênh vực tới. Cho nên những ngày mà ta được hân hạnh đãi tiếp các lão-giáo-sư Pháp là những ngày vui tươi nhất của năm học.

Nhưng từ ngày chiến-tranh giao thông khó khăn giấy lộn-lạc ấy đã bắt buộc phải tạm thời cắt đứt nên từ năm ngoài trong các kỳ thi chót không có các đại biểu của Đại-học Paris chủ tọa.

Vừa đây, đạo sắc lệnh ngày 15 tháng 10-1941 đổi trường kiêm bị cao đẳng thuộc và bào chế ra trường Đại-học (Faculté) đặt dưới quyền trường Đại-học Paris.

Dưới quyền Giám-đốc của ông Galliard, giáo sư thạc-sĩ Paris, trường Đại-học y khoa và Dược-khoa gồm có những ban:

- Vật-lý-học. Hóa-học. Sinh-vật-học (P. C. B.)
- Y-học (Médecine)
- Dược-học (Pharmacie)
- Nha-học (odontostomalologie)
- Nữ-hộ-sinh (école des sages-femmes).

Ban sư-phạm có những giáo-sư thạc-sĩ (Professeurs agrégés), giáo-sư thực-thụ (prof. titulaire) cùng những phụ-giáo tại các phòng thí-nghiệm, các nhà thương, các phòng giải-phẫu (chefs des travaux de laboratoire, chefs de clinique, Prosecuteurs et aides-anatomistes)*

Chương-trình học bắt cứ ở ban nào, cũng có hai phần: phần thuyết-lý do các giáo-sư dạy tại trường, hoặc phải khảo-cử lấy ở các thư-viện, phần thực-hành học ở các phòng thí-nghiệm hoặc tại các nhà thương dưới quyền các giáo-sư chuyên môn, có các phụ-giáo giúp việc.

Chương-trình học tại trường Thuộc chia làm 6 năm, không kể một năm học lớp P. C. B. Tự trung năm thứ 2 và năm thứ 4 là hai năm khó nhọc nhất vì chương-trình nặng nhất. Hết năm thứ sáu thì ra và đề luận án.

Muốn cho sinh-viên được có quyền luôn luôn chấn-chỉnh học lực của mình, nghị-dịnh ngày 27-9-1935 và 15-2-1938, lập tại các nhà thương thực-hành của trường thuộc (Bảo-hộ, Bạch-mai, đau mắt) những kỳ thi tuyển Externes và Internes des hôpitaux. Bắt đầu từ năm nay số Externes sẽ là 27 (trước kia 20) và Internes 7 (trước kia 5) cho tất cả các nhà thương Hanoi. Tuy vậy đối với ba nhà thương gồm có hơn một nghìn giường bệnh

(Xem tiếp trang 22)

B ù t a

là thứ ngòi bút nội hóa tốt nhất làm bằng thứ thép riêng, viết chơn ngay, lâu rĩ, đựng nhiều mực, trăm ngòi dùng được cả trăm ngòi, khác với mấy ngòi bút nơi khác làm bằng sắt tây, không có khóa, chưa viết đã cong, trong trăm ngòi may được vài ba ngòi. Ngòi Buta đã được rất nhiều các quan chức đề ý tới và khen ngợi. Ngòi Buta do nhà máy Đông Ba chế tạo. Mua buôn xin gửi về nhà in:

CỘNG - LỰC, n° 9 Rue Takou. Hanoi
Téléphone: 962

Thông hiểu sự vật
và tư tưởng...

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP

THỐNG - CHẾ PÉTAIN

Đó là nhan-đề cuốn sách của ông Lạc-Quang Bùi-đình-San viết, do chính phủ Đông-Pháp xuất bản, hiện đã có bán khắp các hàng sách.

Thật là quyển sách hoàn toàn về phương-diện ẩn-loát và mỹ-thuật. Sách gồm có 2 phần. Phần trên nói về Thân Thể và Sự Nghiệp của vị Thủ Tướng, phần dưới tác giả trích dịch rất công phu những tư-tưởng thâm-trầm và danh-ngôn bất hủ của ngài.

Ở phần thứ nhất ông B-đ-San tả rõ lúc thiếu-thời của Thống-Chế, những năm ngài tông học tại trường Saint Cyr và khuynh hướng thiết tha của ngài về nghề binh-nhung. Tiếp đến khi ngài vào dạy trường cao-đẳng võ bị, Rồi tới kỳ Âu-chiến và trận thành Verdun mà Thống-Chế được nổi danh là vị Đại-Nguyên-huân cứu-quốc.

Sau hồi Đại-chiến, tuy Thống-chế đã lập được những công trạng vĩ-đại mà vẫn bị những chính-khách cầm đầu nước Pháp hồi đó không hiểu lòng ngài. Mãi cho tới 1939, hiện tình thế-giới và nước Pháp sây ra thế nào ta đã rõ. Ngay sau những cảnh trạng thảm khốc, Thống-chế được vời ra giữ vận mệnh nước Pháp, ngài đã quên tuổi già, quên sự mệt nhọc, quyết hi-sinh để lo việc phục-hưng tổ quốc.

Bằng một tấm lòng nhiệt thành sùng bái, ông B-đ-S. đã tả thân-thể và sự nghiệp của Thống-Chế rất là rõ rệt.

Quyển sách của ông ra thật là hợp thời. Và sẽ thỏa mãn được nguyện-vọng của mọi người đang khao-khát biết cái đời phi thường của vị Chủ-tướng rất đáng tôn sùng.

Thật là cuốn sách li-ký cảm động như một chuyện anh hùng kiệt-sĩ thời xưa. Vậy xin vui lòng giới-thiệu với các bạn đọc.

Một quyển sách quý : Những đoạn diễn-văn của Thống Chế Pétain

TẬP THỨ II

Đã hơn một năm nay, Thống-chế Pétain ra cầm vận-mệnh nước Pháp Sau ngày

đình-chiến u-âm đến những tháng khó khăn mà phấn đấu cho quốc-gia, Thống-chế đã gặp những bước trông gai do sự hiểu lầm của một số người đồng loại, và sự thù hằn của những kẻ trước kia là bạn. Nhưng mặc dầu ách-vận, Thống-chế vẫn bền gan. Cương quyết với kẻ thù ở trong và ở ngoài, Thống-chế đã, từng bước nhỏ nhưng chắc chắn, sây dựng những nền tảng của một quốc-gia mới.

Bằng những nhời thống thiết Thống-chế hô hào sự hiệp-lực của toàn thể quốc-dân. Lúc này không ai còn có quyền nghĩ đến quyền lợi riêng của cá nhân. Quyền lợi chung của nước là một sức mạnh thiêng liêng để phá tan những tư hiềm và kết chặt mối đồng tâm của hết thầy dân Pháp trong công cuộc cải-tổ quốc gia. Chủ-nghĩa cá-nhân đã gây những kết quả tai-hại. Nay đến lúc phải chôn chặt chủ-nghĩa đó mà phụng sự một tôn giáo mới: tôn giáo quốc gia.

Thờ phụng quốc-gia ai nấy đều phải cố gắng làm việc.

Thống-chế biểu-dương những đức tình cao quý của các bậc làm nẹ là những người có chức phận gây sự ham hoạt động, sự trọng kỷ-luật chí kiên-tâm nó làm cho xã-hội được mạnh.

Đối với các nông-gia, Thống-chế có một mối cảm-tình tha thiết. Sự cần-cù, nhẫn-nại, lòng ham việc của họ là những đức-tinh cổ-truyền của dân Pháp, đáng mến và đáng kính. Thống-chế sẽ chăm nom đến họ một cách đặc biệt để liên-lạc nông-gia của những vùng khác nhau trong khi đời thi-hành dần dần đạo luật ngày 2 Décembre 1940, nghiệp-đoàn nông gia.

Quyền lợi của phái thợ-thuyền, một vấn đề rất gay go từ xưa đến nay vì đã gây nhiều cuộc xô sát giữa các giai-cấp xã hội, Thống-chế sẽ giải quyết chung với vấn-đề cần-lao. sẽ không phân biệt phái chủ với phái thợ. Chỉ có những phần tử làm việc. Chủ, thợ, đốc-công, kỹ-sư sẽ họp thành những hội chức-nghiệp trong đó mọi người sẽ cùng bàn luận

(Xem tiếp trang 22)

TRU'ỜNG

DỊCH là phần » người dịch văn, nhất là lỗi ấy. Nhưng bản phận của một dịch dịch, là phải tránh hết sức cái lỗi ấy. Trong thể thơ của bản chính, thể cổ phong, số câu, sẽ giữ được một phần lớn tinh thần của bài ca dịch một bài thơ là diễn lại cái âm điệu ấy

Trường

(Đường Bạch Cư Dị vịnh)

Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc,
Vua Hán mơ tưởng sắc nghiêng nước
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc,
Ngự trị bao năm cầu chẳng được.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Họ Dương có gái mới trưởng-thành
Dưỡng tại xuân khuê nhân vị thức,
Phòng khuê chưa kể hay nhan-sắc.
Thiên sinh lệ chất nan tự khi,
Giời sinh người đẹp chẳng nở hoài
Nhất chiêu tuyền tại quân vương chắc,
Một sớm tuyền vào chín bệ coi.

Đôi mâu nhất tiểu bách mị sinh,
Thoáng thấy nụ cười trăm vẻ đẹp,
Lục cung phẩu đại vô nhan sắc,
Sáu cung son phấn hết màu tươi.

Xuân hàn tứ dục xoa thanh trì,
On trên buổi mới biết bao tình,
Ôn toàn thủy hoạt tầy ngưng chi
Ngày xuân tắm mát ao Hoa-thanh,
Thị nhi phù khởi kiều vô lực
Suối ăm rửa trôi hương phấn đọng,
Thủy thị tàn thừa ân trạch thì
Thị-nhi nương nhẹ vóc mong-manh.

Vân mấn hoa nhan kim bộ giao
Tóc mây, mặt ngọc, gót vàng đeo.
Phù dung chương noãn độ xuân tiêu
Phù-dung trướng ấm, đêm xuân thâu
Xuân tiêu khổ đoản nhật cao khỏi
Đêm xuân tiếc ngắn, ngày mau sáng
Tòng thử quân vương bất tảo chiêu
Tự đó buổi mai vua bãi châu.

Thừa hoan thị yến vô nhân hạ
Hầu vui yến tiệc say triền-miền
Xuân tưng xuân du dạ chuyên dạ
Chầu chực ao xuân đêm lại đêm.
Hậu cung tam thiếp nhân
Hậu cung như hoa nghìn thiếp
Tam thiên sủng ái tăng nhất thân
Án ái ba nghìn tặng một thân!
Kim ốc trang thành kiều thị dạ
Nhà vàng mới dựng đêm lưu luyến
Ngọc lâu yến bãi túy hòa xuân
Lầu ngọc, yến tàn, say với xuân

Tỷ muội đệ huynh giai liệt thổ
Anh chị thầy đều ận thưởng đất
Khả liên quang thái sinh môn hộ
Họ hàng lừng lẫy nặng ân cao
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm
Xui lòng cha mẹ trọng thiên hạ
Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ
Chỉ muốn sinh con gái má đào.
Ly cung cao sử nhập thanh vân
Ly cung cao ngắt lẫn mây mờ
Tiên nhạc phong phiêu sử sử văn
Tiên-nhạc xa gần thoảng gió đưa.

Hoãn ca mạn vũ ngưng ty chúc
Mùa nhẹ, ca khoan, ngán chúc-tơ,
Tận nhật quân vương khan bất túc
Xuất ngày chưa đủ thỏa lòng vua.
Ngư-Dương bề cổ động địa lai
Ầm ầm trống trận Ngư Dương đến
Kính phá Nghê thường vũ y khúc
Đứt khúc nghê-thường, rưng tiếng ca!
Cửu trùng thành khuyết yên trần sinh
Thành khuyết chín tầng mờ khói bụi
Thiên thặng vạn kỳ tây nam hành
Thặng hướng Tây Nam xe ngựa ruổi!
Thủy hoa dao dao hành phục chỉ
Cờ thủy phát-phơ đi lại đứng.
Tây xuất đô môn bách dư lý
Vượt hơn trăm dặm khỏi Đô môn
Lục quân bất phát vô nại hà
Sáu quân không tiến. Làm sao được!
Uyển chuyển Nga mi mà tiền tử
Dùng-dăng trước ngựa biệt giai-nhân!

HẬN CA

dịch thơ không thể nào tránh khỏi được cái giả biết tự trọng và trọng tác giả bài văn mình bài dịch Trường hận ca, chúng tôi đã giữ cái và số chữ từng câu. Chúng tôi tưởng như thể ấy. Vì thơ là âm điệu mà điều cần nhất khi bằng một thứ tiếng khác.

hận ca

Dương Quý-Phi Sự)

Hoa diên ủy địa vô nhân thu
Thoa vàng rụng đất không ai nhặt
Thủy kiều kim trước ngọc tao đầu
Chim vàng, cánh biếc, ngọc cài đầu
Quân vương yếm diện cứu bất đắc
Quân vương che mặt khôn bề cứu
Hồi khan huyết lệ tương hòa lưu
Ngảnh đầu chan-chứa hai hàng châu!
Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác
Bụi vàng gió thổi bay tan-tác
Vân sạn oanh vũ dâng kiếm các
Khúc khuỷu đường mây lên Kiếm các
Nga mi sơn hạ thiều nhân hành
Chân núi Nga-Mi vắng bóng người
Tinh kỳ vô quang nhật sắc bạc
Tinh-kỳ ử rừ, ngày phai nhạt!
Thục giang thủy bạch Thục sơn thanh
Sóng Thục nước biếc, núi Thục xanh
Thánh chủ chiêu chiêu mộ mộ tình
Thánh chúa hôm hôm sớm sớm tình
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc
Nguyệt dải hành-cu, g màu nhớ tiếc
Dạ vũ văn-linh đoạn tràng thanh
Đêm mưa đứt ruột tiếng cầm canh,
Thiên toàn nhật chuyên hồi long ngư
Giời đất vẫn xoay, Thánh thượng về
Đáo thử chừ chừ bất năng khứ
Dùng-dăng đứng lại chỗ phân-ly
Mã-ngôi pha hạ nê thổ chung
Mã-ngôi dưới ấy bùn nước đọng!
Bất kiến ngọc nhan không từ sử
Tìm lại người xưa, chẳng thấy gì!

Quân thần tương cố tận chiêm y
Vua tôi nhìn lại áo đầm lệ
Đồng vọng Đô môn tin mã quy
Ruồi ngựa trông về nẻo Đô-môn.
Quy lai chi uyển giai y cựu
Đô-môn vẫn đầy vườn ao cũ
Thái-dịch phù dong Vị-ương liễu
Phù dung Thái-Dịch liễu Vị-Uương.
Phù dung như diện liễu như mi
Phù dung như mặt, liễu như mày.
Đối thử như hà bất lệ thủy
Đối cảnh khôn ngăn lệ vẫn dài
Xuân phong đào lý hoa khai gia
Đào lý nở cùng đêm xuân gió
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì
Mưa thu đang độ lá ngô rơi!
Tây cung nam nội đa thu thảo
Tây cung nam nội vườn đầy cỏ
Lạc diệp mãn giai hồng bất tảo
Thềm vắng không người quét lá đỏ
Lê viên tử đệ bạch phát tàn
Ca-nhạc phường xưa tóc nhuộm sương
Tiêu phòng a dám thanh nga lão
Tuyết diêm mây ngai a-dám cũ.
Tịch điện huynh phi tử tiểu nhiên
Đền khuya vắng bóng huynh leo lắt,
Cổ đăng thiêu tận vị thành miên
Khêu lọn đèn tàn mắt chữa nhấp
Chì chì canh cô sơ tràng dạ.
Đêm giải đằng đằng, trống cầm canh
Cảnh cảnh tinh hà dục thực thiên
Giời chừng sáng tỏ, sóng Ngân nhạt.
Uyển ương ngổa lãnh xương hoa trọng
Sương hoa đeo nặng ngói uyển-ương
Phủ thủy khâm hàn thủy dữ cộng
Chấn Thủy lạnh lùng ai đắp chung!
Du du sinh tử biệt kinh liên.
Dằng dặc bấy lâu sinh liệt
Hồn phách bất tằng lai nhập mộng
Chiêm bao chẳng thấy chút vân mờng,
Lâm cùng đạo sĩ Hồng đô khách
Hồng-Đô có đạo sĩ Lâm Cùng
Nặng dĩ tinh thần chí hồn phách
Tĩnh thần thấu được cõi vong hồn

(Xem tiếp trang 23)

Mấy điều cần biết về thẻ lệ trước

(Tiếp theo kỳ trước)

Thẻ-lệ trước-bạ

TRƯỚC-bạ là một thứ thuế, thì thẻ lệ thứ thuế ấy lẽ tất nhiên cũng phức-tạp như thẻ-lệ nhiều các thứ thuế khác, có lẽ lại phức-tạp và khó khăn hơn nữa, vì trái lại với các thứ thuế như thuế đoan, thuế môn bài, thuế thổ-trạch vân vân, có một phạm-vi nhất định, thuế trước-bạ định vào bất cứ giấy má đơn từ gì ; bất cứ giấy má đơn từ đã làm trong những trường hợp nào và làm ra để có ích lợi về phương-diện luật-pháp hay về phương-diện kinh-tế, đều có thể đem trước-bạ được. Có người muốn tỏ rằng phạm-vi của thuế trước-bạ mông-mênh không bờ bến, nói khôi hài rằng: có thể trước-bạ cả đến một lá bắp cải, trước-bạ cả được một đôi giày, một cái nắp hộp...

Nói tóm lại, bất cứ một tờ chữ gì, ghi chép một sự vật, một công cuộc của người ta trong phạm-vi pháp-luật hoặc phạm-vi kinh-tế, đều thuộc về phạm-vi của thuế trước-bạ cả, và cũng vì thế ấy cho nên thẻ lệ thu thuế trước-bạ phải đi đôi với những thẻ-lệ về dân luật và về luật thương-mại là những luật-lệ định đoạt sự giao-thiệp của dân chúng về phương-diện pháp-tuật và kinh-tế. Vậy thì muốn hiểu biết thẻ-lệ thuế trước-bạ, trước hết phải hiểu thấu những thẻ lệ về dân-luật và về luật thương-mại đã. Thí dụ: luật trước-bạ đánh thuế những việc giao dịch về đất cát nhà cửa như mua, bán, cho, cầm cố, thuê mượn, vân vân, tùy mỗi thứ giao dịch định một số thuế riêng ; thì ta phải biết rằng theo dân-luật, thế nào là « mua bán », thế nào là « cho », thế nào là « cầm cố », như thế nào mới hợp lệ để có thể bảo rằng việc giao dịch này là « bán » mà không là « cho », « cầm » chứ không phải là « bán », « gửi » chứ không phải « cho thuê » vân vân. Định được như thế rồi mới biết được rằng : Thuế trước-bạ, một bức văn-tự phải trả thuế trước-bạ là bao nhiêu, mà phải đem trước-bạ trong một thời hạn nào.

Lại còn phải biết rằng nếu trong văn-tự có ghi những trường hợp đặc-biệt thì có ảnh hưởng cho sự trả thuế hay không. Thí dụ như một bức văn-tự ông Ất bằng lòng bán cho ông Giáp một trăm mẫu ruộng, hai ông đã thỏa thuận, giá cả với nhau, nhưng cùng định rằng nếu ông Ất có làm xong con đê để khỏi nạn lụt

cho số ruộng mà ông muốn bán, thì ông Giáp mới nhận lấy ruộng mà ông Ất mới lấy tiền, — thì văn-tự ấy đã phải trả thuế trước-bạ về mua bán chưa, hay là mới phải chịu một số thuế nộp lệ (bây giờ là 1p.50 tính cả thuế ngoại phụ), chỉ đến khi nào mua bán hẳn xong, mới phải trả thuế.

Thẻ-lệ trước-bạ còn định cách tính thuế, cách thu thuế, cách trả thuế, định các cách phạt, và hình-thức việc tổ-tụng về việc thu thuế ra làm sao.

Mỗi một mục còn chia ra nhiều chi tiết tinh-vi, phiền-phức, trong mấy trang giấy không thể trình bày cho hết được, vậy ta chỉ nói riêng về hai điều có ích-lợi thiết-thực ngay mà nhiều người đang cần biết thôi, những điều khác, nếu có dịp ta sẽ bàn sau.

Điều thứ nhất là : Những văn-tự nào bắt buộc phải đem trước-bạ ?

Điều thứ hai là : Số tiền thuế định cho một vài thứ văn-tự thông thường là bao nhiêu, cách tính như thế nào ?

A. — Những văn-tự nào bắt buộc phải trước-bạ

Những văn-tự « bắt buộc phải trước-bạ » là những văn-tự làm xong phải trước-bạ trong một hạn-lệ nhất định, nếu trễ nải sẽ phải nộp một tiền phạt.

Theo điều thứ 141 của nghị-định quan Toàn quyền ngày mồng 6 tháng một, tây năm 1929, thì những văn-tự bắt buộc phải trước-bạ trong một hạn-lệ ấy gồm có những giấy tờ ghi chép các việc giao dịch về bất động sản, như nhà, đất, ruộng nương, hoặc giao dịch để trao đổi hoàn toàn cả quyền sở-hữu, thí dụ như mua bán, cho, đổi, v. v., hoặc chỉ giao dịch về quyền hưởng-dụng mà thôi, như thuê mượn, cầm cố, chuộc, v. v.

Những chúc thư, những giấy phân chia tài sản, nhượng, bán cửa hàng buôn, cũng phải trước-bạ trong một thời hạn nhất định.

Thời hạn ấy định như sau này :

Chúc-thư, thì, sau khi người làm chúc thư quá cố trong hạn một tháng phải trước-bạ.

Nhượng bán cửa hàng buôn, thì sau khi nhượng hoặc bán, trong hạn sáu tháng phải nộp thuế trước-bạ.

Ngoài ra, những giấy tờ giao-dịch về bất động-sản, như mua bán, đổi-trắc, tặng-dữ,

b'ạ các văn tự của người Nam

cầm-cổ, chuộc, thuê mượn, và những giấy phân chia tài sản, đều phải trước-bạ trong hạn hai tháng kể từ ngày làm văn-tự.

Cách tính hạn-lệ để đem trước-bạ có mấy điều đáng chú ý.

Điều thứ nhất, là phải tính ngày tháng theo dương-lịch (lich tây). Nếu văn-tự làm ngày ta, thì phải xem ngày tháng ấy đối chiếu ra dương lịch là ngày tháng gì, mới có thể tính được kỳ-hạn trước-bạ.

Ngày tháng theo dương lịch, có tháng 28 ngày, có khi 29 ngày, thường thường là 30 ngày và 31 ngày. Nhưng tính hạn lệ để trước bạ không phải đếm từng ngày, cứ tính đồ đồng từ ngày tháng nọ tới cùng ngày ấy tháng sau là một tháng, dù trong khoảng ấy chỉ có 28 hay có những 31 ngày mặc lòng. Thí dụ: một tờ chúc thư làm từ ngày mồng 2 tháng chạp năm Khải-định thứ năm, người làm tờ chúc thư ấy mất ngày 12 tháng hai tây năm 1941; hạn trước-bạ chúc thư tính từ ngày 12 tháng hai tây trở đi cho đến ngày 12 tháng ba tây sau thì hết một tháng. Trong ngày 12 tháng ba ấy phải đem trước bạ mới hợp lệ. (Nếu tính từng ngày thì chỉ có 28 ngày mà thôi). Trái lại, một bức văn-tự mua đất, làm ngày mồng một tháng bảy tây, phải trước bạ trong hạn hai tháng, thì tính hạn ấy đến ngày mồng một tháng chín tây sau mới hết. (Nếu tính từng ngày thì trong hạn ấy có những 62 ngày).

Nhưng nếu cái hôm cuối cùng là một ngày chủ-nhật hay một ngày lễ chính-thức thì ngày hôm ấy không tính, thời hạn trước-bạ lại da thêm một hôm nữa. Theo như thí dụ ở trên, nếu ngày mồng một tháng chín ta là ngày chủ-nhật, thì hạn trước-bạ bức văn tự mua đất đến hết hôm mồng hai mới mãn.

Nói tóm lại, tính hạn lệ trước-bạ phải tính theo dương lịch, không phải đếm từng ngày, trái lại phải tính theo ngày thứ trong một tháng, và nếu ngày cuối cùng là một ngày lễ thì ngày ấy không tính; chính cái ngày làm văn tự cũng không tính.

Nếu ta tính nhầm, hoặc nếu ta quên mà để quá hạn-lệ mới đem đi trước-bạ văn tự, thì không những phải trả số tiền thuế, mà còn phải chịu một số tiền phạt ngang với số tiền thuế. Số tiền phạt ít nhất là 2\$50, (bảy giờ tính cả tiền thuế ngoại phụ là 3\$00).

Riêng về những việc nhượng bán cửa hàng

buôn, số tiền phạt gấp đôi số tiền thuế, một nửa người mua chịu, một nửa người bán chịu, mà mỗi phần tiền phạt ít nhất cũng phải 2\$50 (bảy giờ tính cả tiền thuế ngoại phụ là 3\$00). Thí dụ: tiền thuế 18\$20, thì người mua phải trả thêm 30\$00, người bán cũng phải trả 30\$00 (tính cả tiền thuế ngoại phụ), cộng là 78\$20.

Tiền thuế, và tiền phạt, đã tính dùng lệ rồi thì phải trả, không ai có quyền cho hoãn lại được, bất cứ một quan chức nào, đến như chủnh sở Trước-bạ cũng không được phép cho chậm lại, hoặc bớt đi. Nếu không tuân theo như vậy, thì những quan chức ấy sẽ phải chịu trách-nhiệm về số thuế không thu được.

Tuy nhiên, về số tiền phạt, quan Toàn-quyền có ủy quyền cho quan Chánh nha Tài-chính để có thể tha bổng hoặc tha một phần số tiền phạt ấy được. Như thế, để giúp cho những người vì sự lầm lỡ, hoặc vì không biết, để quá hạn lệ mới đem văn tự đi trước bạ, khỏi phải trả một số tiền phạt nặng-nề. Nhưng chẳng phải ai xin cũng phải tha cho cả. Sự tha phạt này là một sự ra ơn, cho nên phải xét kỹ lưỡng, đáng được ra ơn thì mới tha, nếu không tha thì cũng không thể kêu ca vào đâu được.

Muốn được cái ơn tha phạt ấy, chỉ cần làm một lá đơn bằng giấy tin-chỉ 0\$18 (theo thuế tem hiện thời) gửi qua ông chủ sự trước-bạ lên ông Chánh sở Trước-bạ; trong đơn ấy phải nói rõ vì sao đã để quá hạn và xin tha cho số tiền phạt. Khi đệ đơn ấy, phải nộp cho đủ số tiền thuế chính đã.

Nhưng phải biết rằng những văn tự nào bắt buộc phải trước bạ trong một thời hạn nhất định mà để quá hạn thì mới phải chịu một số tiền phạt. Còn những giấy tờ khác không bắt buộc phải trước bạ thì muốn đem trước bạ lúc nào cũng được, không phải nộp phạt.

Tuy nhiên, trước khi một giấy tờ gì đi kiện nhau ở tòa án, hoặc đem dùng ở một công sở nào, hoặc dùng trong một bản công-thư thì phải đem trước-bạ trước đã. Điều thứ 150 bản nghị-định quan Toàn-quyền ngày mồng 6 tháng một năm 1929 cấm các quan tòa không được xử kiện, các quan chức Pháp Nam và các công chức không được xử nghị một việc gì, hoặc các no-te, các mõ tòa các trạng sư không được làm

(Xem tiếp trang 19)

ĐỌC SÁCH «MỘT SỨC KHỎE MỚI» và «NGUỒN SINH LỰC»

ÔNG P. N. Khuê đã cho xuất bản trong năm nay 2 cuốn « Một sức khỏe mới » và « Nguồn sinh lực ». Hai tác phẩm ấy có một tính cách đặc biệt : nó đại diện cho một loại sách đứng đắn, nghiêm trang, cần phải mong mỗi ngày mỗi nhiều lên, loại sách triết lý và khoa học trong văn chương ta.

Tôi có thể nói tác giả đã muốn nêu lên một triết lý của sự sống. Bởi nhiều ảnh hưởng rất phức tạp, loại người thành ra có những quan niệm lầm lạc về sự sống. Những quan niệm lầm lạc ấy dẫn người ta đến u mê, đau khổ, bất mãn, chán chường. Các tôn giáo lớn công nhận rằng sự đau khổ ấy là dĩ nhiên ở thế gian (khổ hải trong đạo Phật - lacrymarum vallis trong kinh thánh Gia-tô), và hạnh phúc của người ta không ở trần thế này mà ở một cõi xa xôi, đợi ta sau khi chết. Nhà dật sĩ, người thầy tu, muốn tránh những rày rỏ của đời nên tìm cách sống ra ngoài cuộc vật lộn say mê của mọi người. Như g nếu ta không muốn bận trí bởi những thuyết siêu lý về hạnh phúc, nếu ta không muốn ở trong đời tìm một sung sướng ở ngoài đời, nếu con mắt ta không muốn phóng tầm ra ngoài chân giới của thực tại, thì ta phải tìm cách chống lại với đau khổ u mê để sống cho được rộng rãi và sung sướng. Ông P. N. Khuê trong hai cuốn sách đầu của bộ « Sức khỏe mới » đã bàn luận để đi đến chỗ tìm một triết lý mới cho sự sống của chúng ta.

Tóm tắt qua các

ý tưởng chính của tác-giả

Trong cuốn « Một sức khỏe mới », ông P. N. K. đầu tiên tự hỏi « thế nào là một người khỏe ». Người khỏe không phải là một người béo lốt, ăn nhiều đồ bổ, có nhiều tiền, nhiều danh vọng v. v... Người khỏe là « người chiến sĩ có đủ sức lực để đối thủ với tất cả mọi sự tấn công, để chiếm lấy phần sống và phát triển sự sống một cách đầy đủ theo như nguyên vọng sâu xa của bản năng », vì « sống là một cuộc chiến đấu kịch liệt và không ngừng của sinh lực ta chống lại với sự chết (chương I). Muốn biết một người có khỏe hay không, ta phải xem người ấy vào lớp sống của đời có « thắng nổi những trở lực để giữ phần sống không », xem trong cuộc chiến đấu « tay có run, trí có loạn, lòng có núng không ». Một người có bắp thịt to mà hơi nặng gió đã cảm, hơi gấp trở lực đã chùn không gọi là khỏe được. « Người khỏe

là người không quên cái bất thường của sự sống và bất thân thể và tâm hồn mình phải đủ rẻo rai để giữ thăng bằng cho sinh lực mình trong những hoàn cảnh nghiêng ngửa » (tr. 30) (chương II).

Ở nước ta sức khỏe của mọi người thường chỉ là một « sức khỏe thụ động », ít là một sức khỏe tác động. Người mình yếu đuối lại đổ tại ảnh hưởng khí hậu, ảnh hưởng di truyền. Tác giả nhận thấy « người mình không kém sinh lực, duy có điều sinh lực ấy không được phát triển mà thôi. » (chương III).

Dùng phương pháp nào để tạo sức khỏe ? Một người khỏe phải khỏe về thể chất và về tinh thần. Ý tưởng căn bản của tác giả diễn ở trong câu « Sức khỏe là biểu dương của sinh lực » (tr. 37) ; vì vậy đối với tác giả « cải tạo sức khỏe là giải phóng sinh lực ». Phải cần đến chính quyền săn sóc tới mới có thể tạo được sức khỏe cho toàn quốc (thi dụ ở các nước độc tài Đức, Nga, Ý) (chương IV). Nhưng để đợi chờ sự cải tạo sức khỏe công cộng, tác giả khuyên chúng ta, mỗi người phải tự tạo lấy sức khỏe của mình, theo những « con đường nhỏ » mà đi, và trên con đường khắc khổ ấy mang theo lòng tin và lòng yêu trong sạch. (chương V VI VII).

Như trên kia ta đã nói, tác giả tư tưởng rằng « sức khỏe là biểu dương của sinh lực ». Nhưng sinh lực là gì ? Trong cuốn « Nguồn sinh lực », ông P. N. K. đã giải nhời câu hỏi đó.

Bắt đầu ông nhận xét rằng người ta có một bệnh thông thường là « đau khổ » và « luẩn quẩn ». Nguyên do chỉ tại cái bản ngã của ta, « bóng vầng của những dục vọng, của những ý nghĩ, những tác động thuộc về dĩ vãng ». Vậy ta phải « diệt cái bản ngã ấy đi ». Diệt bản ngã đi để sống bằng sinh lực, để cho sinh lực trước kia bị bản ngã làm cản trở đã phát triển được tiếp sức tự do với « nguồn sinh lực thiên nhiên của vũ trụ ». (Mục trình diện).

Đời sống chỉ có một mục đích : Hạnh phúc. Vậy ta phải phấn đấu để được sung sướng. Ta phải cưỡng lại đau khổ. Đừng tìm cách trốn tránh tạm bộ, đừng tìm những an ủi nhất thời bằng văn thơ, bằng âm nhạc... Hãy trông thẳng vào đau khổ để chế phục nó. Đừng như Titus muốn tránh Bérénice để khỏi đau đớn, hãy như các nhân vật của Corneille trông thẳng vào tình trạng khốn khổ để tìm phương thuốc chữa (chương I). Sinh lực là gì ? Các nhà bác học đã đặt nhiều ứ thuyết về nó. Sinh lực

là lửa sống, là linh khí, là tinh anh, là một biển thể của vật chất có tổ chức v. v. (chương II). Sống chỉ có nghĩa là giải thoát sinh lực, vậy ta phải suy xét về cách giải thoát ấy. Ta hãy bỏ cái thói xấu sợ những câu hỏi « triết lý » viển vông. Tìm nghĩa của sự sống, tìm cách sống đâu phải là mơ mộng trong siêu hình ? (chương III).

Ba chương trên gồm lại là phần thứ nhất trong đó tác giả giải nghĩa sinh lực. Trong phần thứ II tác giả xét đến những trở lực của sự sống. Ba trở lực của sự sống là khuynh hướng duy vật thiên tả về cuộc đời hình sắc, bắt ta phụng sự thân thể, kéo ta về tư kỷ, về chủ nghĩa khỏa lạc, dập tắt lương tâm của ta ; khuynh hướng duy tâm làm ta chìm đắm trong tính tình, cảm giác, mơ mộng của ta, khiến ta quên cả đời thực tại ; khuynh hướng duy thần làm tê liệt ý chí, khiến ta « phó thác cuộc đời của ta cho những cái xa xăm huyền bí ». Ba khuynh hướng ấy đều là duy kỷ.

Trong phần thứ 3 tác giả dẫn rằng sinh lực rồi rảo trong vũ trụ mà hạnh phúc của ta là ở chỗ có thể khơi nguồn sinh lực của ta cho nó tiếp sức với sự sống xung quanh, « chút sinh lực vào một vật không phải là bản ngã ». Tóm lại, sống là điều hòa các năng lực cho thăng bằng, chứ « quá thiên về xác thịt, về tình cảm, hay về lý trí ».

Giá trị các lý thuyết

Ông P. N. K. viết hai cuốn « Một sức khỏe mới » và « Nguồn sinh lực » với nhiều công phu và suy nghĩ. Những tác phẩm ấy cho ta biết tác giả có một nhiệt thành đáng mến và một kiến thức rộng. Ông lập luận xác đáng ở nhiều nơi và đã viết với một tinh thần khoa học chắc chắn (Nhất là ở quyển Nguồn sinh lực). Những ý tưởng của ông về sức khỏe của một người và của một dân tộc đều xác đáng. Ông đã nhận rằng sức khỏe tinh thần tối cần thiết, và cần phải đi đôi với sức khỏe của thân thể. Và tôi cũng nghĩ như ông rằng phải cần đến sự săn sóc của chính quyền mới có thể cải tạo được sức khỏe một dân tộc cho mau chóng.

Trong quyển « Một sức khỏe mới », tác giả viết : « Những phương pháp cải tạo sức khỏe chỉ chuyên chú đến sinh lực ». Nên trong quyển sách số 2 của bộ « Sức khỏe mới », tác giả chuyên xét về vấn đề sinh lực. Trong cuốn sau này, sau khi xét về nguyên tính của nguồn sinh lực, tác giả nói đến các trở lực của sự sống. Tôi đồng ý với tác giả về sự tai hại của những khuynh hướng duy vật và duy thần. Nhưng trong những ý tưởng của tác giả về khuynh hướng duy tâm, có một ít điểm khiến cho người đọc bối rối tựa như gặp mâu thuẫn vậy, và có những xét đoán của tác giả hầu như quá đáng : Tác giả bảo sống là để cho nguồn sinh lực được phát triển tự do. Ý tưởng ấy có thể coi là xác đáng. Nhưng đến lúc xét xem ở những người nào sinh lực phát triển mạnh thì tác giả trở nên hồ đồ đôi chút, thiếu rõ rệt. Đây đây những người đã để phát triển sinh lực : nhà đạo sĩ (tr. 48) người thợ (tr. 50)

nhà nghệ sĩ (tr. 45), một chính khách, một cậu học trò chăm học, một người đang chìm đắm trong đau khổ... (tr. 44). Phải đâu ở những người đó nguồn sinh lực bao giờ cũng phát triển ? Ta nghĩ sao nếu người đạo sĩ chỉ muốn một cái thanh nhàn ích kỷ, nếu người chính khách chỉ ham lợi cho bản thân ? Theo tác giả sống là duy tha, sống thực là đem chút sinh lực vào « một vật không phải là bản ngã... ». Như vậy thì ở địa vị nào, ở hoàn cảnh nào, miễn là « sinh lực thoát ra khỏi vỏ chật hẹp của một người » là người ta sống theo như sự muốn của tác giả, can chi phải kể những thí dụ nhân vật như trên ? Mà ở người chìm đắm trong đau khổ, ông P. N. K. bảo đó cũng là « một sinh lực đang thoát khỏi vỏ chật hẹp của một người... », ý tưởng đó thực có chút khó hiểu !

Đấy đến lúc ông mai xát bọn duy tâm. Duy tâm là thiên về đời bên trong. Li đã duy tâm ? — Nàng thiếu nữ đã mơ màng trong cửa sổ, ông học giả chìm đắm trong sách, chàng trai đi tìm vần thơ người thất nghiệp nghiền ngẫm những ý tưởng chưa cay... Bọn duy tâm ưa mơ mộng, ưa xây lý thuyết, « sợ đụng chạm với cuộc đời ». Sự mơ mộng sẽ đưa đến « truy lạc, điên cuồng, tự ái ». Những thi sĩ, văn sĩ, triết nhân duy tâm là những trùng độc của xã hội. Kết án bọn duy tâm nghiêm khắc như vậy tác giả đã quá vội vàng. Vì ham hoạt động, tác giả ghét mơ mộng một cách bất công và đã viết những câu độc đoán đáng tiếc, Vẫn biết mơ mộng vẫn quá đáng là không hay. Nhưng có một thứ mơ mộng là tài sản của các thiên tài ở nghệ thuật. Ông P. N. K. có nhận rằng các tác phẩm của nghệ sĩ là biểu dương của một sức sống mãnh liệt. Ông có kể các nghệ sĩ vào hàng các nhân vật được ông trọng nề. Nhưng nghệ sĩ chẳng duy tâm là gì ? Ông bảo chàng trai đi tìm vần thơ để an ủi nỗi lòng là đồn bại. Vậy đối với ông một Beethoven, một Schubert, nghiền ngẫm mỗi đau thương của họ để rồi những đau thương đó phát biểu ra bằng những dấu âm nhạc, có phải là đồn bại không ? Khi nhà thi sĩ ngẫm non sông thấy nguồn cảm xúc rồi rào, ta có thể nói chàng tiếp xúc với tạo vật, với các nguồn sống ở ngoài. Nhưng lúc chàng ta ve vuốt vài cái mộng của lòng mà làm những bài thơ bất hủ thì là đồn bại ư ? Thực chỗ này tư tưởng của tác giả thiếu minh bạch. Và lại tâm lý người ta rất phức tạp. Lamartine, một thi sĩ duy tâm nhưng trong hành động thì ông không phải là một người mê ngủ. Goethe là một văn sĩ lãng mạn khi viết cuốn Werther, mà cũng lại là người đã viết : « Lãng mạn là ốm yếu ». Hình như ông P. N. K. đã sẵn có cái thành kiến ghét tất cả các thể lãng mạn, ghét những tư tưởng ra ngoài mực thường. Ông hãy xem ở tư tưởng nước Đức có rất nhiều nguyên tố lãng mạn, mà nước Đức lại là một nước mạnh. Lãng mạn trong tư tưởng và trọng thực tế khi hành động không phải hẳn là hai điều mâu thuẫn.

(Xem tiếp trang 15)

NHỮNG TU' TU'ỞNG BUỔI CHIỀU

của ĐÌNH GIA-TRINH

« Je suis pleine d'idées ce soir »

Katherine Mansfield

BUỔI qua tôi thong thả một mình đi dạo qua các phố của Hà-nội. Đây đây một lũ người mua bán ở một góc chợ, ồn ào và ráo riết. Đây đây..... một bà lão lau đôi mắt nhèm trước một tấm mẹt đựng vài quả ổi với vài quả chuối. Chỗ kia một hàng bán quả luộc thơm, một vòng tròn dân lao động xúm lại ăn uống nhồm nhoàm. Đi xát qua tôi những người đàn ông và đàn bà đủ các khuôn mặt, đủ các dáng điệu, từ người cha tay xách một vài đồ chơi cho con đến chàng thanh niên ăn mặc tề chỉnh, đầu chải bóng ; từ những người mẹ lao động gánh quẩy bằng bể tre đến các bà các cô lịch sự chặn giầy dép, quần áo ...đều tươi đẹp. Nhưng lòng tôi sao như se lại. Tôi đi tìm trật tự, tôi chỉ gặp hỗn độn ; tôi đi tìm một màu đẹp, tôi chỉ thấy tẻ ngắt dưới ánh sáng thu nhạt phảnh chiều trên các hè đường trắng bụi..... trên hầu hết khắp nét mặt tôi thấy hoặc hình dáng một đau thương thầm kín, một lo sợ (chỉ một lo sợ buổi chiều không cơm ăn cũng đủ rồi !), hoặc một hấp tấp vội vàng, hoặc dấu hiệu của bao cuộc vật lộn khó nhọc với đời (cái má dăm, cái đầu bù, cái áo bạc vai, cái dáng thờ ơ). « Trông đấy, đời không phải như người ta đã mơ tưởng, nó là một vật tiêu tụy thay », theo một lời của E. Jaloux !

Trước cuộc đời không oanh liệt của phố phường, ngày mai cũng như ngày nay, mắt tôi như mỗi trống, tìm tòi như mỗi đập. Ôi, những phương trời xa lạ ! Đi, đi để yên tha thiết, đi để tỏ cuộc sống thêm những màu mới mẻ. Đi để hít những không khí phương xa, để ôm ấp những hình dáng tôi chưa biết. Tôi một phương Tây xa xôi qua bao trùng biển cả. Không, không phải tiếng mỗi một của linh hồn Baudelaire : « Bất cứ tôi đâu, miễn là ở ngoài trần thế này ! ». Không, màu thắm còn đọng ở lòng tôi, hi vọng tôi còn dặt ở trong cõi đời chứ không phải ở ngoài cõi đời, lòng trẻ tôi chưa biết cái triết lý của sự chán chường vô tận. Tôi chỉ ham một cuộc đời rộng rãi hơn. Tâm trí tôi muốn cọ xát với muôn thể phức tạp của sự sinh sống trong tạo vật. Cái yên tĩnh của lũy tre xanh cho tôi diễn đạt. Lòng tôi bỗng bội quá mà non sông sao lặng lẽ, âm nhạc của đất nước sao buồn nao vậy ?

Này đây bờ sông Nhị-hà. Lên trên mặt con đê cỏ xanh um, một buổi chiều tà trông ra chân trời xa, nước lặng. Trong không khí có hương vị của Đông phương. Vài con thuyền nhỏ đậu ở ven bãi cát, lấp ló ánh đèn. Đây người ta sống bình tĩnh sao. Nước lặng chầy, bố con mẹ con ngồi hóng gió ở mạn thuyền. Họ chuyện trò, họ nói léo xéo, họ chẳng để ý đến mây xa lững lười dần, những ngôi sao thiên

vạn kỷ tối tối nhô lên soi ánh xuống lòng sông thiên vạn kỷ



Tôi không đóng vai chàng thanh niên đem cái buồn của nhân loại đi trong nhân loại nữa. Chiều nay- tôi sống với bạn hữu tôi, bên cạnh bàn tiệc, trước cốc rượu màu tươi dưới ánh đèn. Những cười nỏ, những hoan hỉ làm cho lòng tôi trở lại như lòng con trẻ. « Một phút hiện tại với hạnh phúc », ôi bao nhiêu triết lý trong lời nói đó. Tôi thấy yêu đời (cái đời nhỏ hẹp ở bàn rượu, lẽ tất nhiên), và tôi cảm sâu xa thấm thía cái thú sống mà những nhà thi sĩ Hi Lạp đã ca ngợi khi xưa.

Rồi đến âm nhạc với những điệu du dương như xô kéo người ta đi về một thế giới mộng ảo, tiếng than của Beethoven hoặc những thở dài nhẹ của Mozart. Rồi đây những khóe mắt xinh của các thiếu nữ, những nụ cười như sớm mai. Những đẹp, những êm ái cho thể phách, cho tinh thần, hẹn nhau họp ở gian phòng này để cho người ta những phút sống đầy đủ với hiện tại. Với hiện tại thôi ! Hãy xua đuổi không thương tiếc cái dĩ vãng, cái tương lai, và cái hoàn cảnh quanh mình. Đề sung sướng một lúc. Đề quên những bế tắc của đời. Chỉ nghe âm thanh hòa hợp mà không nghe những tiếng lúng củng hỗn độn. Chỉ trông vẻ kiều diễm của những nàng tiên đẹp mà xua ra khỏi trí hình ảnh của những nét răn hoặc của những đường thô sơ. Và để êm tai với những lời nói có duyên như mơn trớn tâm hồn. Kỹ thuật của người gây những phút nhân tạo để tìm một hạnh phúc nhân tạo trong chốn lạt lạt !



Chiều nay tôi ở buổi yến tiệc về. Gió mùa thu thỉnh thoảng làm rơi vài chiếc lá trên đường vắng. Trong tâm hồn tôi chỉ còn bóng dáng của những người, những sự thực tôi vừa mục kích và đụng chạm lúc nãy. Tôi lại trở về với cái phòng sách nhỏ. Phòng sách nhỏ của tôi, ấy là cả một thế-giới đấy.

Tôi đã quên cái hạnh-phúc ở buổi yến tiệc rồi. Cái hạnh-phúc ích kỷ ấy nghĩ đến nó làm gì ! Muốn sung sướng ta cần phải đem thân ta, tâm hồn ta hiến cho thiên hạ hoặc cho một vài người. Đừng sống kín mít chặt chội trong cái bản ngã của anh, chàng thanh niên ơi ! Ra ngoài thành lũy của vi kỷ, sống cho một lý tưởng, đem lại cho cuộc đời không có ý nghĩa một chút ý nghĩa !

Trong tủ sách của tôi các danh nhân nằm yên ngủ, lúc nào cũng sẵn sàng thức dậy để mang tôi đi chu du những miền xa, những thế giới lạ lùng. Bao nhiêu tiếng nói của cổ kim chỉ đợi sự vời đón của tôi là sôn sao mách bảo bao nhiêu những tình tình của trái tim người.

Buổi nay tôi không muốn đọc sách. Đêm khuya lặng lẽ vời tâm hồn tôi về dĩ vãng. Ngày những ngày sinh đẹp ngày thơ đã qua, này vài cuộc chia ly với những người thân mến, này những cánh hoa rớt lại của những tình yêu đã chết. Tôi thấy lòng bỗng buồn, trống trải, cả tâm hồn tôi chìm đắm trong một bằng phẳng mê hoặc vô cùng.

Chợt tỉnh dậy, như qua một giấc mơ, tôi tự nói với mình những câu triết lý nhỏ về cuộc đời: « Chớ chán nản rầu rĩ làm gì! Ôi, người ngu muội thay chỉ đắm đuối trong dĩ vãng. Sáng mai ánh nắng mặt trời và chim hót lại tới. Tập sống đi. Người than phiền rằng không có lý tưởng để phụng thờ. Người hãy an ủi một kẻ đau khổ, giong một gốc cây, làm một vài việc mọn cho tư tưởng, cho nghệ thuật. Hoạt động lên! « Mơ mộng đã nhiều quá rồi! » như lời của Tourgueneff. — « Nguồn sống ở nơi tôi rồi rạo và mạnh mà tôi chỉ khiêm tốn giong

một gốc cây, làm một vài việc mọn thôi ư? » — « Ô! kiêu hãnh! Người đừng định quá giá những mộng của tâm trí. Người đừng tưởng nhà thi sĩ ngồi trong phòng ấm áp ca ngời vài bóng yêu kiều là quý phái hơn kẻ đi làm những việc mọn để giúp cho một người được thêm sung sướng, một giọt nước mắt dừng lại trong mắt đừng rơi. Người sống đã quá nhiều với sách vở và với tâm hồn người. Người vượt ve vài mộng đẹp ích kỷ lập yêu, tập yêu người ào rách duy tha và khinh nạng tiền kiêu hãnh vị kỷ. Cho, cho mãi, cho tình yêu vô tận. Nhắc lại với Tolstoi: « Cho tình yêu là cho tất cả ». Tình yêu thương! người đã làm sáng tỏ trần gian tối tăm này! »

Một luồng gió mát như thổi qua linh hồn tôi. Như chiếc lá non trong mùa xuân, tôi rung động. « Thiên đường thực ấy là đời sống của ta... Yêu và hi sinh, đời sẽ là thiên đường. Nếu người không muốn hiểu thế là vì người không yêu, và vì không yêu người sẽ ở trong một địa ngục. Vì địa ngục chỉ là sự đau đớn của những kẻ không biết ham yêu. »

Lời nói của Dostoïevsky như nhũ vào tai tôi và chấm hết cuộc bóng lờng của tư tưởng một buổi chiều.

Đ. G. TRINH

Septembre 1941

Đọc sách « Một sức khỏe mới »...

(Tiếp theo trang 13)

Tóm lại, chúng ta hiểu cái thuyết sinh lực của tác giả, nhưng không hiểu rõ lắm các lối phát triển của sinh lực theo như sự mong mỏi của tác giả.

Ngoài vài điểm vừa nói về vấn đề khuynh hướng duy tâm, những ý tưởng của tác giả về triết lý của sự sống có thể coi là hợp lẽ. Đời là một, thực trạng. Ta đã sống thì chớ nên trốn ra ngoài cuộc sống. Ta phải trông thẳng vào đời, phấn đấu để tìm hạnh phúc ở trong đời. Dostoïevsky cũng đã nghĩ tương tự như thế: « Thiên đường độc nhất, ấy là đời sống ». Hạnh phúc tìm ở đâu? Ở lòng yêu kẻ khác, sự hy sinh, tình duy tha. « Các người hỡi, các người đang ở thiên đường, nhưng các người không muốn hiểu thế, vì các người không yêu, và vì vậy các người rầy rụa trong địa ngục ». (Les frères Karamazov).

Giá trị văn chương

Về phương diện văn chương thì hai cuốn sách của ông P. N. K., nhất là cuốn « Nguồn sinh lực », có nhiều đức tính tốt. Có lẽ văn chương ấy hơi bạo đoán ở một ít nơi, nó đề mạnh tư tưởng dưới những câu tựa như đề khắc làm chấm ngôn vậy (Style lapidaire): « duy tâm là truy lạc » v. v. Ở ông P. N. K. viết sách cũng như ở ông P. N. K. viết báo, chúng ta đều nhận thấy lối văn đó: « Phải đem tả chân thay vào lãng mạn, phải đem triết lý thực nghiệm vào đời sống v. v... » tựa như trong tư tưởng, trong nghệ thuật, lý thuyết là những đỉnh

ốc, nhờ cái này đi thì cho cái khác vào. Đời sống và đời tư tưởng thực ra phiền phức hơn nhiều, độc đoán quá tất đi tới chỗ sai lầm.

Nhưng văn ông P. N. K. có những đức tính khác đáng khen: sáng sủa, mạnh mẽ và khéo chuyển vận. Những đoạn ông diễn các thuyết lý khoa học về sinh lực, ông rất sáng sủa và rõ rệt. Ông dùng rất nhiều hình ảnh, và rất khéo làm biến một ý tưởng trừu tượng ra những hình cụ thể. Xin kể một vài thí dụ: « Chỉ một kích động nhẹ nhàng cũng đủ cho nó (vật vô hình) bùng lên, nóng và sáng, và rồi rạo như từ một nguồn vô tận nào phát ra để đốt cháy hết cả một dĩ vãng hoang tàn... » (N. S. L. tr. 28). « Cái bình ảnh chàng thi sĩ bù đầu và nhà triết lý mặc áo rách... là hai cái bóng ma ghê tởm luôn luôn dọa nạt những người muốn nghĩ, muốn làm khác m i người » (N. S. L. tr. 38). « Tâm hồn chúng ta là một bãi sa trường thăm đăm, ngồn ngang thành kiến sứt mẻ những dục vọng đối dưới ánh sáng le lói của một sinh lực điêu tàn » (N. S. L. tr. 115).

Văn nhiều hình sắc ấy lại gọn gàng và mau lẹ khi diễn những tư tưởng phiền phức: « ... nhà giải phẫu hết sức ngạc nhiên vì không thể dùng lưỡi dao mổ sẽ mà bóc thấy linh hồn » (N. S. L. tr. 68).

Hai cuốn sách của ông N. P. Khé cho ta tin rằng văn chương Việt-Nam có thể đi đến rõ rệt và đẹp để mang những tư tưởng mới mẻ của thời đại.

DIỆU ANH

(Tiếp theo)

Nền giáo-dục ở hai nước Nhật-bản và Trung-hoa

HAI nước ở Viễn-Đông, Nhật-bản và Trung-hoa đã cải tổ nền giáo-dục theo kiểu mẫu Âu Mỹ, mục-dịch vừa để gây sức mạnh cho nước về cách thâu-nhập những kỹ-thuật và phương-pháp tây-phương, vừa để gây một tinh-thần quốc-gia bằng cách hợp nhất tiếng nói và phong-tục.

* *

GIÁO-DỤC THANH-NIÊN Ở NHẬT-BẢN

NỀN giáo-dục ở Nhật-bản bắt đầu thay đổi từ hồi Minh-trị Cách-mệnh (1867).

Ngày xưa, giáo-dục chú trọng về phần luân-lý và mỹ-thuật nhiều hơn về phần khoa học và thực tế. Những trường công lập ra cho bọn quý phái, mục-dịch là rèn cặp những ông hoàng tử theo những lễ-nghi đã định sẵn, và dạy một chút triết học Trung-hoa cùng lịch-sử Nhật-bản. Những trường học dân chúng đều là những trường tư do phụ huynh học-trò hay những ông giáo lập ra, dạy văn-chương Trung-hoa và Nhật-bản nghi-lễ thường dụng.

Nền giáo-dục mới theo đuổi cùng một mục-dịch với cuộc cách-mệnh Minh-trị; lập một quốc-gia mới bằng kỹ-thuật khoa-học, phá tan quyền hành những ông chúa quận, gây sự tôn sùng Nhật hoàng như một đấng chí tôn (1).

Khoa công-dân giáo-dục được đặt vào một nơi cao-quý trong chương-chỉnh học. Đạo dụ 1890 của Nhật hoàng nói về khoa đó là bản kinh của một tôn-giáo mới, tôn-giáo Nhật hoàng và Nhật quốc. Chỉ có tôn-giáo đó, gây sự liên-kết toàn quốc và trung-thành với Nhật hoàng, là được dạy trong các trường công.

Nền giáo-dục mới đặt dưới quyền chỉ-huy và kiểm-soát nghiêm-ngặt của chính phủ; những nguyên tắc, phương-pháp và chương-trình giáo-khoa cùng sự tổ-chức các nền học đều do những đạo dụ của Nhật hoàng ban hành.

Cách tổ-chức các nền học dạy theo kiểu-mẫu tây phương: Nền tiểu học, trong ban đầu cuộc cách-mệnh Minh-trị tổ-chức theo nền tiểu học Pháp; Nền trung học theo nền trung học Đức.

Ở Nhật-bản cũng có ba nền học. Nền tiểu học

VIỆC VÀ TÀI-LIỆU

Giáo-dục thanh-niên VÀ NỀN SƠ-HỌC Ở NƯỚC NGOÀI

của VŨ ĐÌNH-HÒE

là một nền học bó buộc cho trẻ, cả trai lẫn gái, từ 6 đến 12 tuổi, mục-dịch là gây cho dân chúng những căn bản về đạo làm người và làm dân cùng những điều cốt yếu thiết thực.

Nền trung học dạy trong 5 năm, có những môn sinh ngữ (tiếng Nhật và tiếng ngoại quốc), sử-ký, địa-dư, toán-học, luân-lý, vật-lý học và cách-trí học, văn-chương Trung-hoa và Nhật-bản chỉ có một số ít học-trò ở trường tiểu học ra mới theo nền trung học.

Nền đại học gồm có những trường cao-đẳng, luật, thuốc, văn-chương, khoa-học, canh-nông, kỹ nghệ và kinh tế. Ngoài ra còn có nền học chuyên môn, rất quan trọng vì đã giúp nhiều vào việc âu-hóa nước Nhật theo kỹ-thuật tây-phương.

Các trường chuyên-môn chia làm hai bậc. Bậc dưới là những trường chuyên-nghệp (kỹ-nghệ, thương-mại, canh-nông, hàng-hải), đi xong hàng với những trường trung-học. Bậc trên là những trường cao-đẳng chuyên-môn.

Nền Sơ-học ở Nhật-bản

Nền sơ-học ở Nhật-bản là một nền học bó buộc. Thực ra, sự bó buộc đó được dân gian theo rất cần thận. Có hai vạn rưỡi trường sơ-học, hầu hết là trường công, trường tư chỉ có chừng non một trăm. Hơn 11 triệu trẻ nhỏ theo học, tức là 99,5 phần trăm số trẻ trong nước.

Việc truyền bá nền sơ-học ở Nhật-bản là một yếu tố quan trọng trong sự cải tổ nước Nhật: lý-tưởng quốc-gia mới và lòng tôn sùng Hoàng-đế, nhờ nền học đó mà bành trướng rất mạnh.

Tới năm nay (1941) lại có một cuộc cải cách lớn trong nền tiểu-học.

Các trường tiểu-học nay đổi tên là « Quốc-gia học-hiệu ». Sự đổi tên này có ý nghĩa hòa hợp nền văn-hóa cổ truyền của Nhật với nền văn-hóa tây-phương mà nước Nhật đã thâu nhập từ hồi cách-mệnh Minh-trị năm 1868.

Điều thay đổi thứ nhất là số niên học. Từ trước tới nay nền sơ-học dạy trong sáu năm từ 6 đến 12 tuổi. Từ 12 tuổi, trẻ con có thể theo học đến 14 tuổi, nhưng từ 12 tuổi đến 14 tuổi nền sơ học

không bó buộc. Theo chế-độ mới, nền học quốc gia chia làm 2 phần: phần sơ học trong 6 năm và phần cao-đẳng trong 2 năm. Học trong 6 năm ở ban sơ-học, học-sinh có thể theo học ngay ban trung-học. Nếu không, bắt buộc phải học thêm hai năm ở lớp cao-đẳng trong trường quốc-gia.

Chương trình học trong trường quốc-gia như sau này:

— Giáo-dục quốc-gia: luân-lý, nhật-ngữ, sử-ký, địa-dư nước Nhật;

— Toán-pháp, khoa-học;

— Thể-dục: thể thao và võ luyện;

— Các khoa kỹ-nghệ và mỹ-thuật: đàn hát, vẽ, viết, thêu thùa, nấu nướng (cho con gái) giồng giọt, máy móc, buôn bán, làm thợ... khoa nông-nghiệp được chú ý đặt biệt. Những học-trò theo học bất cứ khoa nào đều phải tập việc giồng giọt trong một thời kỳ. Các lớp học sẽ dạy cả về buổi sáng, còn buổi chiều để dành riêng cho những việc hoạt động ngoài giờ: thể thao, trò chơi v. v... (xem « nền giáo-dục ở Mỹ »).

Trong chương-trình học, còn có những khoa rèn sự hoạt động trong xã-hội như những hội hè trong nước v. v., mục-dịch để tập cho học trò những hành-vi ngoài học-đường.

Một điều quan-trọng trong sự cải-cách nền sơ-học là sự cộng-tác mật thiết giữa học-đường gia-đình và đoàn-thể. Các hội phụ-huynh học-sinh càng ngày càng nhiều. Rồi đây sẽ thiết lập những hội thanh-niên để theo đuổi việc giáo-dục thanh-niên ở ngoài học-đường.

GIÁO-DỤC THANH-NIÊN Ở TRUNG-HOA

Vì những lẽ thuộc về địa-dư, chính-trị, kinh-tế, phong-tục sự tổ chức một nền học mới ở Trung-hoa gặp nhiều nỗi khó khăn và chưa đi tới những kết quả tốt đẹp.

Ở một nước quá rộng như nước Tàu mà đường lối giao thông lại thiếu thốn, sự tối cần trong sự mở mang việc là phải lập rất nhiều trường. Nhưng

việc đó lại cần một chính-phủ trung ương rất mạnh và một ngân quỹ dồi dào, hai điều-kiện còn khiếm khuyết ở nước này.

Vì vậy việc truyền bá nền học mới phải thực hiện bằng những cơ quan độc lập, đặt theo những kiểu mẫu khác nhau chứ không chỉ phối do một tổ chức thống nhất. Đến bây giờ, trong sự tổ chức các nền học công ở Trung-hoa trách-nhiệm còn chia sẻ ra làm nhiều mối. Bộ quốc-dân giáo-dục chỉ trông nom có nền trung học và đại-học, các trường tiểu-học đều do các địa-phương lập và chịu phí tổn; quyền hành của chính-phủ trung-ương rất nhỏ trong nền tiểu-học là nền học căn bản của nước. Và lại vì tình thế tài chính khó khăn chính phủ trung ương và các chính-phủ địa-phương không đủ tiền để thực hành một chương trình đại-cục về việc học. Số tiền dùng để chi tiêu về nền tiểu học rất thiếu thốn.aneo tờ trình của phái bộ hội vạn-quốc về việc này thì một người học trò ban tiểu học Trung-hoa tốn cho công quỹ 200 lần kém một sinh-viên ban đại học còn ở bên Âu-châu chỉ kém có 10 lần thôi.

Sau hết những cở tục ở đây có một sức mạnh phi thường nên sự hòa hợp hai nền văn tây đông rất đối khó khăn. Cái quan niệm cũ về giáo-dục ở nước Tàu cho tới cuối thế-kỷ thứ 19 chỉ có hai tính cách: xã-hội và Tôn-giáo. Giáo-dục dành riêng cho phái thượng lưu và chương trình học chỉ dạy những kinh sách của thánh hiền. Chính-phủ chỉ giữ việc lập các kỳ thi để chọn những viên chức trong hành chính và ít chú ý đến việc tổ chức các trường — Phần nhiều các trường học đều do các gia đình khá giả lập ra — Văn minh Trung-hoa sở dĩ ăn sâu vào đám dân gian; là nhờ ở phong tục cổ truyền. Trái lại phong trào Âu-Mỹ có ảnh hưởng rất ít trong đám dân gian người ta mở mang các trường đại-học và trung-học ở một xứ mà nền sơ học chưa tổ-chức. Các thanh-niên ở trường đại-học họp thành một phái mất hẳn liên lạc với quần chúng và không thể diu dặt họ được.

Sự tổ-chức các nền học

Nền tiểu-học. — Chính trong nền tiểu học sự thiếu về tổ chức thực rõ-rệt. Các bản thống-kê của chính-phủ, hẳn là quan, cũng chỉ biên mộ con số 9.000.000 là số trẻ ở các trường tiểu học, nghĩa là một phần năm số trẻ con trong nước đến tuổi đi học.

Chính-phủ đã dự thảo một đạo luật để ấn-định và thi hành dần dần sự học cưỡng bách ở nền

(1) Đoạn sau cùng nói về việc cải cách nền sơ-học ở Nhật Bản, phỏng dịch theo một đoạn trích trong cuốn Travel in Japan. (Cuộc du-lịch ở Nhật Bản) của Seiya Munakata mà báo Le Courrier d'Haiphong đã đăng trong số 19 Juillet 1941.

(Xem tiếp trang 26)

(1) Trước hồi Cách mệnh Minh trị, (1868 về phương diện chính trị, nước Nhật tổ chức theo chế độ phong kiến. Trong nước chia làm nhiều khu thuộc quyền các dòng quý tộc (Daimios). Trên cả là Hoàng đế (le Mikado); nhưng thực ra quyền hành ở trong tay một tướng quân (le Shoguen).

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC VĂN-SĨ VÀ NGHỆ-SĨ

của ĐINH-GIA-TRINH
(Tiếp theo)

MỘT cuốn tiểu thuyết của Goethe, hoặc một bức thư của Lermontof đã đem chán chường và thất vọng lại cho kẻ đọc. Người ta kể rằng ở cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, chẳng những ở nước Đức mà cả ở một vài nước khác ở Âu Châu nữa đã bao nhiêu cặp nhân tình tự vẫn để lại những thư từ trong đó người ta thấy họ gọi lẫn nhau bằng Werther và Charlotte!

Như vậy thì Goethe có thể coi là phạm tội gì không? Goethe có phải chịu trách nhiệm những sự tai hại gây ra bởi văn chương của ông không? Muốn giải quyết vấn đề đó ta phải tự hỏi trước xem những kẻ đọc bị cảm súc quá độ ấy là hạng người nào. Đó là những tâm hồn đã sẵn yếu đuối, đã đến một độ thất vọng rất nghiêm trọng, đã sẵn sàng đợi sự suy bại cuối cùng, tựa như những chiếc lá khô nát còn hơi dính vào cây chỉ đợi một cơn man khê của gió để lìa cành. Một chàng thanh niên yêu một thiếu nữ. Họ không lấy được nhau, họ muốn rời bỏ cõi đời chán ngán. Bỗng đọc một cuốn tiểu thuyết tả một hoàn cảnh giống như tình trạng họ đang sống, họ thấy đoạn sử của họ được kể lại trong tác phẩm rồi họ quyết định cũng theo con đường kết cấu của truyện. « Những kẻ bị văn chương giết chết tới tưởng họ đã mang sẵn cái chết trong lòng », câu nói của Gide thực là trí lý. Bởi lẽ ảnh-hưởng của văn chương và nghệ thuật không phải là tạo nên một tâm-trạng, mà là đánh thức giậy những cái tiềm tàng sẵn có trong người ta, « những năng lực chưa chấp chôn ngủ của Maeterlinck » chỉ đợi « một sự động chạm, một hóa hợp, một tiếng, một lời » để tỉnh giấc sôn sao. (Xem André Gide : *De l'influence en littérature — Prétextes*). Nếu trong hàng muôn triệu người đọc một cuốn sách chỉ có vài ba trăm người bị sách làm hại thì tất ở mấy trăm độc giả ấy phải có những tâm trạng gì để khiến cho những tư tưởng trong cuốn sách ảnh hưởng tới và lôi kéo đi theo cái lý của nó. Tôi còn nhớ thuở xưa một người bạn tôi đọc xong quyển Werther gấp nó lại, cười

lớn và nói : « Chúng nó thật điên dại và khó hiểu ». Nếu trong quán rượu kia, có 20 chàng thanh niên nghe xong bài Sombre Dimanche đi tự tử thì những chàng đó chắc trước khi bước chân vào quán cũng đã là những kẻ đau khổ và muốn chết.

Vậy ta có thể kết luận rằng văn chương tình cảm hoặc những tác phẩm nghệ thuật người ta coi là nguy hiểm không thể số những người lành mạnh tới những ngõ truy lạc tối tăm, những hố sâu của thảm họa, mà chỉ có thể làm dẫn bước những kẻ đã đi quá sâu vào những con đường tai hại. Những nghệ sĩ trên đây không gây ở lòng mọi người những tâm trạng thất vọng quái ác, họ chỉ đánh thức giậy những năng lực đã nằm chờ sẵn trong lòng một số ít người. Vậy thì khi một ai vì văn chương mà chết, *trách nhiệm phải phân sẻ ra cho kẻ chết một phần và nhà văn sĩ một phần mới là đúng lẽ*.

Trên đây ta kể một vài thí dụ ở văn chương Tây Phương, tiêu biểu cho nền nghệ thuật tình cảm lãng mạn. Văn chương không những diễn tình cảm mà còn reo rắc ý tưởng nữa. Văn chương diễn ý (*littérature d'idées*) có thể ảnh hưởng đến đời sống của người ta rất sâu xa. Những tư tưởng của Khổng Mạnh ở Á Đông đã chi phối đời sống của bao nhiêu thế hệ. Những tác phẩm của Montesquieu, của Rousseau đã ảnh hưởng sâu xa tới dân trí ở thế kỷ thứ 18 bên Pháp và dọn đường cho cuộc Cách Mệnh năm 1789.

Những tư tưởng thâm nhận được sẽ có thể soay tính tình theo chiều của nó, bởi lẽ ở đời tâm lý, tình cảm và ý tưởng có liên lạc mật thiết với nhau. Chính ở quyển Werther của Goethe cũng đầy rẫy những ý tưởng. Người tình thất vọng của Charlotte là một chàng thanh niên khóc trắng than gió, nhưng lại còn là một triết nhân thường biện luận để bệnh vực cái thất vọng của mình nữa.

Những nhà văn reo rắc tư tưởng nguy hiểm có phải chịu trách nhiệm của những tai hại gây nên bởi văn chương của họ không? Trong cuốn tiểu thuyết *Le Disciple* (Người đệ tử) Paul Bourget đã thử giải quyết vấn đề đó. Một giáo sư (cũng tương tự như một nhà văn) đã dạy cho đệ tử những thuyết nếu đem thực hành thì sẽ phạm tới đạo đức chính thức. Chàng đệ tử Robert Greslou chịu ảnh hưởng những ý tưởng quá phóng khoáng ấy đã quyến rũ lừa dối một thiếu nữ khiến thiếu nữ đó quên sinh vì thất vọng và phẫn uất. Đối với tác giả cuốn *Le Disciple* thì vị giáo sư nọ phải chịu trách nhiệm những kết quả không hay của các tư tưởng ông đã phát biểu ra. Chúng ta có thể kết luận rằng tác giả những cuốn sách truyền bá tư tưởng nguy hiểm cho luân lý đều phải chịu trách nhiệm những tai họa mà ý tưởng họ gây nên.

Những giải quyết vừa bày tỏ trên đây, ta phải

nhận rằng nó hơi có chút sơ giản. Sự thực có lẽ phiền phức hơn nhiều.

Ta hãy nói tới văn chương diễn ý tưởng. Người ta bảo nếu những ý tưởng diễn ra phạm tội luân lý thì là tác giả đã phạm tội, đã viết một quyển sách xấu. Nhưng ta há chẳng biết luân lý ngoài một số những giá trị bất di dịch được khắp loài người kính trọng qua các thế hệ, thường thay đổi từ dân tộc này tới dân tộc khác, từ thuở này qua thuở khác ư? Luân lý là những quan niệm tương đối. Vậy thì khi một cuốn sách diễn những tư tưởng đi ngược với một vài giá trị luân lý chính thức, cổ truyền, chưa chắc những ý tưởng đó đã hẳn là xấu. Tác giả phải chịu trách nhiệm những biến thiên trong tư tưởng người đọc nhưng ta không thể bảo tác giả phạm tội được (Xem Rousseau bị truy nã sau khi viết quyển Emile).

Sau đến văn chương diễn tình cảm. Một tình cảm sâu thẳm, thất vọng đều có ảnh hưởng tới tâm hồn ta. Nhưng, như trên ta đã nói, những tình cảm ấy phải gặp những trường hợp tâm lý đặc biệt mới có thể tác họa được. « *Ảnh hưởng chẳng tạo gì cả, chỉ làm thức giấc* », theo như một lời của Gide. Một note đàn phải gặp một vài notes khác đặc biệt để hòa hợp với mới có thể tạo nên một cảm giác buồn. Đời bên trong của ta phiền phức vô cùng. Một tình cảm làm ta rung động, rồi nó càng đi sâu vào thâm tâm ta nó càng biến đổi tùy theo tình trạng tâm lý, tùy theo tính cách các tính tình ta đang có, tùy theo kiến thức giáo dục tính thần của ta trong khi đọc. Vì vậy một tình cảm diễn trong văn chương có thể biến đổi khác nhau qua mỗi tâm hồn. (Nhà văn hào Paul Valéry thể như hiểu những luật biến trạng ấy khi ông tỏ ý muốn giữ những bài thơ của ông khó hiểu để cho mỗi tâm hồn độc giả được rung động tự do theo chiều sở thích của nó).

Xem như vậy thì khi ta kết án các văn sĩ, nghệ sĩ ta chớ nên đi tới chỗ khắc nghiệt quá đáng. Trong văn chương tình cảm, như ta đã xét ở trên, những nghệ sĩ reo rắc những tình buồn nản không phải hoàn toàn là những người phạm tội ác. Khi người ta kết án Lermontof, Goethe, Chateaubriand tác giả René, người ta cũng biết đó chỉ là một lối nói, những tư tưởng nói để qua đi, chứ thực ra sự kính phục các nghệ sĩ ấy vẫn không vì đó mà giảm.

Nhưng buồn, vui, là những trạng thái đại cương của tâm hồn, Những nghệ sĩ ta đã kể trên đều có tài siêu việt, và tác phẩm của họ đều được một vẻ quý phái riêng do bởi sự những tư tưởng, tình cảm cao quý vẫn được trọng nề. Văn chương diễn ý nếu chỉ phạm vào những giá trị luân lý dễ thay đổi theo thời thế thì những tác giả nó không thể coi là phạm nhân được. Nhưng ngoài những trạng thái tình cảm đại cương không thể dễ định là tốt

hay xấu, còn có những tình tình mà ở văn minh nào người ta cũng cho là ti tiện, là phải đề nần chế phục, những tình tình nó làm cho ta đi tới gần loài vật. Ngoài những giá trị luân lý chân chính bất khả xâm phạm (Con hiếu với cha mẹ, — biết ơn kẻ ân nhân, — hi sinh cho nghĩa vụ, — kiềm chế tư kỷ, dục vọng thấp hèn để gắng tới một đời cao thượng v. v.). Nếu nhà văn, nhà nghệ sĩ đem ca ngợi những cái ti tiện của đời người, đem truyền bá những tư tưởng phá hoại các giá trị luân lý chân chính, thì họ đích là những phạm nhân của xã hội. Nếu sách của họ lại được những người ít học và con trẻ còn bỡ ngỡ đọc nhiều thì tai hại lại ghê gớm hơn nữa, vì ở những người có học thức còn có một lượt tư tưởng làm thành lũy kiểm soát những tư tưởng của họ. chứ ở những óc trẻ quá như tờ giấy trắng hoặc những óc yếu đuối của kẻ vô học thì ảnh hưởng những văn chương ấy không còn gặp cản trở nào nữa.

Ở nước nào cũng có những hạng văn sĩ đáng ghê sợ ấy. Họ tả những cảnh tượng đốn bại bằng những màu quyến rũ. Họ phủ lên đồng bùn hôi một chút cỏ hoa lừa dối.

Họ « tả chân » hơn cả những nghệ sĩ tả chân ! Rồi để giả nhòai những trách móc họ phò trương ra nào thuyết « *tự do trong nghệ thuật* », thuyết « *phụng sự nghệ thuật* », thuyết « *tả thực* »... và trăm nghìn nguy biện khác nữa để làm một đống cho họ.

Những hạng văn sĩ ấy là những tai họa của xã hội. Không có một lý thuyết khéo léo nào có thể chống đỡ cho họ để họ chút gánh trách nhiệm được. Và nếu nhân loại cần nhờ ngọn lửa làm tiêu ma những ý tưởng tình tình hôi hám có phương hại đến danh dự loài người thì những thứ văn chương khốc hại của bọn văn sĩ xấu xa kia sẽ phải chất đồng mà đốt hết không thương tiếc.

ĐINH GIA-TRINH



MẤY ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THỀ-LỆ TRƯỚC-BẠ...

(Tiếp theo 19 11)

các công thư, theo những giấy tờ chưa trước-bạ; nếu không tuân theo, sẽ phải chịu trách-nhiệm về số tiền thuế trước-bạ những giấy tờ ấy.

Đó là những thề-lệ và hạn-lệ trước-ba các văn tự của người Nam.

Trong một kỳ sau, ta sẽ xét về số tiền thuế và cách tính thuế như thế nào.

VỊ HẢ

MỘT VÀI PHƯƠNG CHÂM HƯỚNG DẪN

Người ốm nước ta hiện ở trong một hoàn cảnh rất nguy-ngập. Trình-độ tri-thức, sự thiếu thốn các phương-pháp để trị bệnh. trước sự đau khổ của bệnh-nhân để làm cho phần đông người nhà sai lầm trong việc cứu chữa.

Vì thế ta cần nên biết một vài phương-châm thiết thực để khi làm sự người ốm và người nhà hiểu rõ những điều nên làm và những điều không nên làm. ■

Người ốm nước ta có thể chia làm nhiều hạng :

hạng theo thuốc Nam có tới 60%.

hạng theo thuốc Tây có tới 25%.

hạng không nhất định có tới 15%.

Đó là ở thành-thị, còn những nơi thôn quê, thì tất nhiên là 95%. còn theo thuốc Nam, nghĩa là đại đa-số người ốm trong nước không biết đến thuốc tây. Vì lẽ gì ? Đó là một vấn đề khác. Nhưng hiện nay những người ốm ấy ở trong một tình-trạng thế nào ?

Vì trình-độ tri-thức còn thấp kém, quan-niệm về y-học rất cũ, lòng tin thuốc nam và sự mê-tin còn mạnh, nhiều người nhất là ở nơi thôn quê, chưa biết đến giá-trị của thuốc tây. Trong lúc do-dự ấy, lại thiếu người chỉ dẫn hoặc phần đông bị những người chỉ dẫn sai lầm.

Lúc bệnh còn nhẹ coi thường không chú ý ; khi bệnh nặng cần phải cứu chữa, tất nhiên là tìm đến thầy lang trước nhất. Khốn nỗi, những thầy lang có học-thuật rộng, có kinh-nghiệm nhiều rất hiếm. Cách chữa bệnh vô căn-cứ của mấy thầy lang « bằm » chỉ có một kết quả : làm bệnh tăng nguy hiểm cho người ốm, khó khăn cho người chữa bệnh sau. Một trăm người sốt-rét thối rữa lại nhà thương thì tám mươi người đã quá 2, 3 tuần lễ. Hầu hết những người thương hàn thủng ruột toàn là những bệnh nhân mà các thầy lang cho là cảm phong, cảm hàn, cố giữ ở nhà theo thuốc nam, đến lúc bụng chướng, mạch suy, sức kiệt mới mang tới nhà thương.

Những sự chậm trễ sai lầm ấy đều do việc tìm thầy chạy thuốc không đến nơi đến chốn, tự quá tin những lời đường mật của những thầy lang vô-học. Cái óc mê-muội không

những rất nhiều ở nơi thôn dã mà còn thấy ở nơi thành thị. Họ cho thuốc tây là không hợp với tạng người Việt-nam, cách chữa bệnh theo lối Âu-châu là bạo động, họ chỉ nghĩ đến thuốc tây khi nào các thầy lang chịu khoanh tay nghĩa là khi bệnh-tình trầm-trọng đã sắp thẳng bệnh-nhân kiệt-lực. Bấy giờ họ mới nghĩ đến mời Bác-sĩ, bấy giờ họ mới lo cho người ốm vào nhà thương, vì bao giờ nhà thương đối với thiên-hạ cũng chỉ là sự may rủi cuối cùng của kẻ đau yếu.

Một bà mẹ mang một đứa con lại nhà thương, vì con đau bụng đã năm hôm, đại, trung tiện đều bí-tắc, nó chỉ còn thoi thóp thở, bụng nó chướng, mắt nó lơ-lơ chỉ còn đợi chết. Nó bị tắc ruột ; vừa đề lên bàn mổ thì quả nhiên nó tắt thở.

Đó là những câu chuyện hàng ngày, luôn luôn được mục kích tại các nhà thương Hà-nội. Tất nhiên trước những bệnh trạng trầm-trọng ấy, dù thầy thuốc có tận tâm đến đâu, dù thuốc có công hiệu đến đâu, cái kết-quả cũng khó lòng được mỹ-mãn.

May thay, bên những người còn mơ hồ ấy, lại có người sáng-suốt biết sự ích-lợi của thuốc tây, sự cần thiết dưỡng bệnh tại bệnh-viện. Song đối với những người ấy một trở lực khác làm cho việc chữa bệnh thêm khó khăn : sự thiếu thốn các phương-pháp để trị bệnh.

Hầu khắp nơi thôn quê, sự tổ-chức về Y-tế và cứu-tế đã tỏ ra khiếm khuyết một cách rõ ràng. Mỗi phủ, huyện có một phòng thuốc do một người khản-hộ trông nom. Công-việc của họ vì nặng nề quá, nên đã thành ra cầu thả và dãn-tiện. Mỗi năm một lần chủng đậu ; tiêm trừ tả, một vài khi có bệnh tả phát ra ở nơi lân cận ; ngày ngày phát mấy viên quinine, aspi-rine, thuốc ho... Còn như chỉ dẫn về bệnh tình, cách cứu chữa thì không phải phạm-vi của họ. Và chẳng nếu một khi người ốm cần lời chỉ dẫn của họ thì cũng chỉ là vài người xa xôi núi sông cách trở, đường đi hiem-hóc phải cần đến thầy thuốc !

Còn những người đã hiểu đôi chút về phương thuốc mới, nhất là ở thành thị, họ có hai đường đi trong khi chữa bệnh : bệnh-viện tư và nhà thương công. Một thiểu số có tiền nằm nhà thương tư, phần đông đã tới nhà

NGƯỜI ỒM TRONG LÚC CHỮA BỆNH

thương công. Tiếc thay ! Những người đến xin nằm nhà thương công mỗi ngày một nhiều, những chỗ nằm trong nhà thương, hoặc không tăng, hoặc tăng nhưng ít. Mỗi ngày, nhất là về mùa hạ, số người ốm nhẹ không được nhận có tới ba phần tư số người ốm đến nhà thương. Một lễ nữa, một lễ hiện thời, thuốc uống mỗi ngày mỗi khan, đồ dùng về giải phẫu mỗi ngày mỗi hiếm. Sự tiết kiệm bắt buộc phải từ chối những người mắc bệnh nhẹ.

Tóm lại sự cản trở trong việc chữa bệnh có hai nguồn gốc :

1° trình độ tri-thức của bệnh nhân dễ chịu ảnh-hưởng của bọn lang băm ;

2° sự thiếu thốn trong công cuộc y-tế cứu-tế trong nước.

Ta cũng chẳng nên ta thán. Ta chỉ nên biết cái thảm-trạng hiện thời là thế và trước thảm trạng ấy tìm cách giải-quyết cho thiết thực và dẫn dụ. Hai phương-châm để đối phó :

1° một là do người ốm ;

2° hai là do những người có tâm huyết về công cuộc y-tế cứu-tế trong nước.

I. — Phương-châm thứ nhất : do người ốm

A) Những điều không nên làm

Bệnh-tật là những hiện-tượng rất nham-hiềm, dễ lừa người, dễ thay đổi, dễ làm cho người ta yên tâm. Kể đau yếu và người chung quanh thật là trò-chơi của sự đau yếu ! Không có kinh-nghiệm, không có tập-quán rất dễ sai lầm. Vì vậy trong lúc bối rối, phải biết những điều không nên làm :

- tránh xa những người mách thuốc ;
- không tin những quảng cáo về thuốc ;
- tránh xa những thầy lang băm ;
- tránh xa sự lễ bái.

1° Những người mách thuốc, (1) bằng cách này hay cách khác, ở xa hay ở gần, gián-tiếp bằng báo-chí hay thư từ, trực tiếp bằng lời nói, đều là những tử thù của người ốm. Có kẻ vì lợi đề theo đuổi một mục đích thương-mại (quảng-cáo thuốc, quảng-cáo báo-chí), có kẻ vì

thói xấu hay mách thuốc, có kẻ thật tốt bụng đáng khen. Song tất cả những người ấy đều là những người nông nổi không hiểu căn-bệnh một cách rõ ràng, mách thuốc một cách mập mờ, chỉ có hại cho người ốm và có khi nguy-hiềm nữa.

2° Những cách quảng-cáo thuốc âm-ỹ lại càng không tin lắm. Ta có thể quả-quyết nói : những người cần quảng-cáo cho tài-nghệ của mình là những kẻ vô tài. *Quảng-cáo là nghịch-phản của sự thật.*

a) Họ đã công-bố những kết quả vô lý : hiện giờ người có học ai là người không biết chứng lao khi đã phát ra, là một cố-tật tiến-hóa không ngừng, khi ẩn khi hiện. Hiện là lúc ta thấy các chứng bệnh : ho, ho ra huyết, gầy, sốt... Ẩn, là lúc ta tưởng bệnh khỏi, người ốm lại thấy khỏe mạnh, bớt ho không ra huyết... Ẩn hiện cứ thế mà tiến hóa cho tới khi phổi suy nhược không dùng được nữa. Khỏi chẳng qua là tạm thời, lâu chóng tùy người. *Chứ nói khỏi ho lao đến tuyệt-nọc thì thật đã tỏ ra không biết một tý gì về bệnh lao cả.* Thế mà trên báo chí, họ nhất định công-bố chữa khỏi ho lao bằng mấy môn thuốc bí-truyền. Cái cách quảng-cáo ấy chỉ có một tư-cách thương-mại, lừa đảo. Cái cách nói dối trơ-tráo ấy ta không thể ví được với những lời an-ủy của những thầy thuốc đứng đắn có học và có lương tâm nhà nghề.

Một bệnh nữa. Có kẻ đã quả quyết công-bố chữa bệnh lậu, trong « một hôm » hay « trong ba hôm, hôm thứ năm thử vi-trùng ». Nhưng thiết tưởng dù có thuốc gì thần thánh đi chăng nữa, hơn sulfamide (DAGENAN, septoplîx) cũng không có thể nhanh được đến thế. Và hiện nay sulfamide là tiểu kêu cuối cùng của khoa chữa bệnh lậu, t' là, theo đúng phép cũng phải từ một tuần lễ đến 2 tuần lễ, mới có thể gọi là fuyet nọc được.

(Kỳ sau sẽ đăng tiếp)

... Phổ-thông mà không làm
giảm giá. . .

Đó là báo THANH-NGHỊ.

(1) Về mục này xin xem thêm ở bài « chữa bệnh cách bức » đã đăng trong số Thanh Nghị juillet.

Trường Y học Đông-dương

(Tiếp theo trang 6)

cái số 25 externès và 7 internes hãy còn ít ỏi quá. Mong rằng một ngày kia số ấy sẽ tăng gấp ba bốn lần.

Ngoài mấy nhà thương thực-hành trường thuốc còn có những phòng thí nghiệm về

— lớp P. C. B.

— khoa giải-phẫu (Anatomie; anatomie pathologique)

— Bào-chế

— Hóa-học

— Ký-sinh từng-học.

Nhờ lòng nhiệt-thành của các giáo-sư những phòng thí-nghiệm này dần dần một chần chẫn

Tuy vậy đối với các phòng thí-nghiệm của các nước ngoài thì còn khiếm khuyết và sơ sài nhiều lắm. Vì thế cho nên công cuộc khảo cứu cũng chưa được hoàn-hảo. Và chẳng còn nhiều ban (médecine expérimentale, physiologie) cần có phòng thí nghiệm mà chưa có, nên sinh-viên phải học thuyết-lý nhiều mà thực-hành ít.

Thư-viện của nhà trường có 5000 cuốn, 70 tờ báo-chi về y-học và khoa học của tất cả các nước trên thế giới, tất cả các luận-án của các trường Đại-học Pháp, thư-viện này dành riêng cho các giáo-sư, phụ-giáo, các bác-sĩ, và các thí-sinh làm luận-án — Còn thư-viện cho sinh-viên mới có ít sách dùng.

Xem cách tổ chức hiện thời của trường Y-khoa đại-học Hanoi, thì có thể gọi là tạm đủ về phương diện giáo khoa thuyết lý, tuy số giáo-sư thực-sỹ chưa được đủ cho tất cả các khóa chuyên môn. về phương diện thực-hành, các phòng thí nghiệm, các nhà thương, hãy còn khiếm khuyết. Thanh niên yêu nghề thuốc có thể theo một cách dễ dàng tại nước nhà hết được bậc y-khoa đại học, trình độ tối cần cho một người muốn làm nghề thuốc. Và cũng nhờ sự tiến hóa nhanh của trường Y-học Đông-dương trong cuộc tổ chức mà số học trò cũng mỗi ngày mỗi đông. Hiện năm nay, nếu kể cả lớp P. C. B. có hơn 300 sinh-viên, và kể từ ngày lập chương trình cao-đẳng tại trường thuốc tại Hanoi đến nay đã có 105 bác-sỹ tốt nghiệp.

VŨ-VĂN-CẦN

Cải chính

Ở bài « Vấn đề thanh niên với quyền M. N. G. D. V. N. M. » kỳ trước, tr. 22, cột hai, dòng 33 : « reo rắc những tư tưởng có nhân », xin đọc là : « reo rắc những tư tưởng cá nhân ».

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG-CHẾ PÉTAIN

(Tiếp theo trang 7)

để giải quyết những vấn-đề thuộc về chức-nghiep, trong sự đồng-tâm và bằng sự công-bình.

Ở trên là tóm tắt đại - ý những nhời cũng Thống-chế Pétain trong những đoạn diễn-văn đăng ở tập thứ II vừa xuất bản. Thật là những lời đánh thép nó tỏ rõ lòng ngay thẳng, tha thiết, tin ở tương lai của một bậc đại tướng đã xuất đời hi sinh cho tổ-quốc.

Cuộc thi về tiểu-công-nghệ

Chính phủ vừa ấn-định tổ-chức một cuộc thi về tiểu công-nghệ trong dịp hội-chợ cuối năm nay cho tất cả các ngành tiểu công-nghệ ở xứ Đông-dương (hoa-phẩm, khí-cụ, các hàng dệt, các hàng đan, các đồ thủy-tinh, xứ, đồ đồng, đồ sắt, giấy, bút, mực v.. v..) Có những phần thưởng bằng tiền từ 20p. đến 300p.00 và văn bằng danh dự, do quan Toàn-quyền Đông-dương ban cho trong một buổi phát thưởng long-trọng.

Những nhà tiểu-công-nghệ muốn dự thi phải nộp đơn ở sở « Inspection générale des Mines et de l'Industrie » cho đến hôm 30 Novembre 1941 là hạn cuối cùng.

Thật là một việc rất hay, nó tỏ rằng chính-phủ chú ý một cách đặc biệt đến sự sinh hoạt của dân trong buổi khó khăn này mà các vật liệu đều thiếu thốn hết cả.

Các em gầy còm, sanh xao, lâu
nhờn nên đòi cho được :

Kẹo thuốc TONIGOSS (1\$20)

có chất lọc ở trứng gà và chất
calcium lấy ở xừng nhung.

Các bà có trẻ bé trong nhà nên mua sẵn :

thuốc SIROP ENFANCE (1\$20)

phòng và trị các bệnh tiêu nhi : nôn, chớ, ăn
không tiêu, khó ngủ hay mếu khóc vân vân...

Bán tại :

PHARMACIE VŨ-ĐỖ-THÌN

Hanoi và đại-lý các tỉnh

TRU'Ò'NG HẬN CA

(Tiếp theo trang 8)

Vì cảm quân vương chiến chuyển tư
Vì cảm quân vương thương nhớ mãi
Toại dao phương sĩ ân cần mệnh
Sai phương-sĩ kiếm khắp xa gần
Bãi vân ngự khí bốn như diên
Đề mây, lướt gió nhanh như chớp
Thăng thiên nhập địa cầu chi biến
Giới cao, đất thẳm kiếm tăm hơi.
Thượng cùng bích lạc hạ hoàng đài
Lên tận mây xanh, xuống chín suối.
Lưỡng sư mang mang giai bất kiến
Mịt mù giới đất thấy đâu người !
Hốt văn hải thượng hữu tiên sơn
Bổng nghe ngoài bể có non thần.
Sơn tại hư vô phiêu diêu dan.
Phiêu-diêu, hư-vô, khác cõi trần.
Lâu các linh lung ngũ vân khởi
Lầu điện, long lanh mây ngũ sắc.
Kỳ trung ước ước đa tiên tử
Nhỏn nhỏ tha thiết lắm tiên nga.
Trung hữu nhất nhân tự Ngọc-chân
Có một nàng tiên phảng phất giống
Tuyết phu hoa mạo sâm si thị
Ngọc Chân, da tuyết, mặt như hoa.
Kim khuyết tây tương khẩu ngọc quynh
Cửa vàng vội đến gõ then ngọc
Chuyển giao Tiểu-ngọc báo Song-thành
Hiên tây Tiểu ngọc báo Song thành
Văn đạo Hán gia Thiên tử sứ
Nghe tin xứ-giả Hán hoàng đến
Cửu hoa chương lý mộng hồn kinh
Trong trướng Cửu-Hoa hồn mộng kinh.
Lắm y thôi chằm khởi bồi hồi
Gối rời, khỏa áo, bồi hồi dậy
Châu bạc ngân câu lệ dĩ khai
Sẽ mở bình phong, cuốn bức rèm
Vân mấn bán thiên tân thụy giác
Vừa tỉnh giấc hòe, mây tóc lệch
Hoa quan bất chỉnh hạ đường lai
Trên thềm bước xuống, mũ hoa nghiêng
Phong suy tiên duệ phiêu phiêu cử
Gió thổi áo tiên bay phất phơ
Do tự nghề thường vũ y vũ
Tưởng khi múa điệu Nghê thường xưa

Ngọc dong tịch tịch lệ lan can
Rầu rầu mặt ngọc đầm châu lệ,
Lê hoa nhất chi xuân đài vũ
Một đóa hoa lê điểm hạt mưa !
Hàm tình ngưng thệ tạ quân vương
Cầm lệ, ngậm sầu, tạ thánh chúa
Nhất biệt âm dung lưỡng diêu mang
Từ ngày vĩnh biệt vắng tâm-hơi
Chiêu-dương điện lý ân ái tuyệt
Điện cũ Chiêu Dương ân ái hết.
Bồng-lai cung chung nhật nguyệt trường
Tháng ngày vắng rặc chốn Bồng lai
Hồi đầu hạ vọng trần hoàn sứ
Ngảnh đầu nhìn xuống cõi nhân hoàn
Bất kiến tràng an kiến trần vụ
Chẳng thấy Tràng an, thấy bụi lùm
Duy tượng cựu vật biểu thâm tình
Còn chút vật xưa, ghi tình cũ
Đền hợp kim xoa ký tượng khứ
Kim-thoa, điển-hạp gửi xuống trần.
Xoa lưu nhất cổ hợp nhất phiến
Thoa giữ một nhánh, hợp một cánh
Xoa phách hoàng kim hợp phân điền
Thoa vàng sẻ nửa hợp chia đôi.
Đã dao tâm tự kim điền kiên
Mong lòng bền mãi như thoa hợp
Thiên thượng nhân gian hội tương kiến
Thượng-giới, nhân-gian gặp có hồi !
Lâm biệt ân cần trọng ký từ
Ân cần nhắn nhủ khi lâm biệt.
Từ chung hữu thệ lưỡng tâm chi
Nhắc lời thề, cũ hai lòng biết
Thất nguyệt thất tịch tràng sinh điện
Ngày bảy tháng bảy điện Tràng Sinh
Dạ bán vô nhân tự ngữ thi
Cùng nhau tình tự dề rặng tịch.
Tại thiên nguyên tác tịch dực điều
Nguyên làm cây liễn cành dưới đất
Tại địa nguyên vi liên lý chi
Nguyên làm chim liễn cánh trên trời !
Thiên trường địa cửu hữu thi tận
Giới đất lâu dài, còn thừa hết
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ
Hận này rặng rặc kiếp nào người !

VŨ-ĐÌNH LIÊN

« Một nền giáo - dục Việt - Nam mới »

L. T. S. — Tác giả quyền M. N. G. D. V. N. M., ông Thái-Phi có gửi đăng bài sau đây để trả lời ông D. A. về bài phê bình sách đăng trong Thanh Nghị số tháng octobre. Để làm Vừa lòng ông Thái Phi, dưới đây xin đăng những trả lời ấy cùng với ý kiến vắn tắt của bạn D. A. sau khi đọc bài đó.

Đề trả lời ông Diệu-Anh về bài : Vấn-đề thanh-niên với quyền « Một nền giáo-dục Việt-nam mới »

Ông T. P. cho rằng trong những xét đoán của ông D. A. có ít điều không được sắc sảo.

Điều thứ nhất và là điều quan trọng hơn hết : *đứng vào lập-trường phê-bình văn học mà xét cuốn M. N. G. D. V. N. M. là thất sách.*

Cuốn M. N. G. D. V. N. M. không phải là một bài điều tra, cũng không phải là một thiên phóng-sự ; tóm lại, nó không phải là một tác-phẩm văn chương. Nó chỉ là một quyển sách nhỏ để mở đầu cho nhiều quyển sách khác về giáo-dục, trong đó tôi đem trình bày với dư-luận một kế hoạch mới về việc giáo-dục thiếu-niên và thanh-niên Việt-nam để thay cho cái chế độ giáo-dục cũ mà tôi cho là không hợp thời nữa.

Một nhà ngôn luận tất phải đứng về *phương diện nghị-luận* mà hoặc là đánh đổ cái kế hoạch ấy nếu xét ra nó có hại cho thanh-niên ; hoặc là tán thành nó nếu xét ra nó có thể giúp ích cho việc cải tạo xã-hội, rồi tìm xem nó có những khuyết-diểm gì thì bỏ-tức vào để gây ra một phong trào có lợi cho sự thực hiện cái chế độ mới ấy. Chỉ có thể thôi và chỉ như thế mới là hợp cách.

Từ đây trở xuống đều là những điều vụn vặt.

1° Ông Diệu-Anh đổ cho tôi cái tội kết án thanh-niên.

Tôi có kết án là 1 án cái chế-độ giáo-dục đã tạo ra cái lớp thanh-niên hư đốn đó.

2° Ông Diệu-Anh cho sự kinh nghiệm của tôi còn thiếu sót.

Cái đó cũng có lẽ. Nhưng ông bảo rằng tôi chỉ bằng, vào một nhóm thanh-niên tư-thục, bỏ sót cái lớp thanh niên căn-cù ở các trường công tiểu-học, trung-học và đại-học, mà khái luận đến toàn thể thanh-niên Việt-nam, thì thật là khờ-khạo quá.

Tôi có làm một cuộc điều tra về thanh-niên đâu. Tôi có khái-luận bao giờ đâu. Tôi chỉ nghiên cứu thanh niên Việt-nam qua cái chế-độ giáo-dục họ chịu ở trong gia-dình, học-đường và xã-hội mà thôi.

Hai nữa ông T. P. chú trọng về nền học dưới vì nó là gốc các nền học trên.

3° Ông Diệu-Anh, trong đoạn nói về những phương-pháp cứu chữa thanh niên của tôi, cho rằng các phương-pháp ấy rời rạc và hơi hồ đồ.

Thật là ông Diệu-Anh muốn nhiều quá ở trong một cuốn sách nhỏ 140 trang, nó không phải là một chuyên-thư (traité) về giáo-dục mà chỉ là một bài xã-thuyết dài để đem chất-chính cùng dư-luận một chương-trình cải-cách giáo-dục, như tôi đã nói. Vả lại, M. N. G. D. V. N. M. mới là một lời cảnh cáo, một tiếng chuông đánh thức mà thôi. Thấy việc cải cách giáo-dục là cấp bách, thấy thiếu-niên và thanh niên phải có những đức tính gì để thành những người hoạt động rất cần cho xã-hội tương lai, tôi hãy vội lên tiếng và nêu ra đã. Rồi ông hay tôi, hay ai nữa, nếu các ông cho việc tôi định làm là phải, thì xin các ông bắt tay vào việc, xấp đặt các đức-tính ấy về phương-diện thể-dục, trí-dục và đức-dục mà làm những « chuyên thư » về giáo-dục đi. Đó là điều yêu-cầu khẩn-thiết của tôi.

4° Trong đoạn nói về ý-kiến của ông đối với vấn-đề giáo-dục thanh-niên, ông Diệu-Anh cho rằng cái đức tính cần nhất cho thanh-niên Việt-nam là lòng ham yêu tha thiết (enthousiasme).

Tôi không bảo là ông không có lý, vì chính tôi đã đặt đức tính ấy lên đầu các sức mạnh tinh thần (*Yêu đời, trang 88*), nhưng nếu chỉ có thể thôi thì ông Diệu-Anh mới tính đến cái kế nhất thời.

Phải, lúc này, thanh-niên Việt-nam cần phải có một ngọn lửa nhiệt thành hun đúc. Nhưng muốn tính về sau, muốn tính kế trường cửu, ấy là mục đích của tôi.

Vả lại, mục đích của tôi trong khi viết bài này là để bênh vực một lý tưởng, không phải để mở ra một cuộc tranh luận, xin ông Diệu-Anh và các độc-giả biết cho.

THÁI-PHI

Trả lời ông Thái-Phi

NHƯ ông Thái-Phi đã viết, bài của ông không có mục-dịch mở một cuộc tranh luận về tư tưởng. Tôi cũng không mong trên mặt báo T. N. có những cuộc tranh luận rườm rà vô ích. Nhưng đề bênh-vực ý-kiến của tôi, tôi tưởng cũng nên trả lời vắn-tắt ông Th. P. và xin ông hiểu cho rằng trong nghệ-thuật phê-bình, tôi bao giờ cũng chỉ xét tác phẩm mà vẫn trọng tác giả.

*
* *

1-) Ông bảo «đừng vào lập trường phê-bình văn học (?) mà xét cuốn M. N. G. D. N. M. là thất sách» phải cần đứng vào «phương diện nghị luận», mới phải. Thực tôi không hiểu rõ ý của ông. Ông phở bầy những phương-pháp để cứu chữa những bệnh tật của thanh niên, mà ông bảo quyền sách của ông «chẳng phải là một bài điều tra...» thì có khác gì ông bảo một người thầy thuốc không cần phải xét đúng căn bệnh của người ốm! Phải chăng ông định đặt một «cas» phiền-phức rồi để ông giả nhời với nhiều hùng-biện phỗng theo phương-pháp của các luận giả casuistes? Phải chăng ông bảo: Tôi diễn một phương-pháp, ai muốn phê-bình phải phê-bình phương-pháp ấy chứ không được xét xem những bệnh trạng phải dùng tới những phương-pháp đó để cứu chữa có thực hay không? Tôi chắc ông T. P. không khi nào lại muốn chúng ta tranh biện về luận lý thuần túy (logique pure), mà bỏ rơi thực tế như vậy. Ông muốn cứu vớt thanh niên, thì ông phải tìm cách hiểu thấu thanh niên, phải điều tra cận-kê trước khi phở bầy những phương-pháp cải cách giáo dục.

2-) Ông bảo tôi đã trách ông kết án thanh niên, và ông nói không hề muốn làm việc ấy. Ông chỉ kết án cái nền giáo-dục đã tạo nên bọn thanh niên đó thôi. Ai đã đọc quyền sách của ông cũng nhận rằng, dù muốn hay không muốn ông đã kết án thanh niên, và lời bào chữa của ông thực là gượng gạo. Vả lại nếu thanh niên bị truy lạc thì một phần cũng bởi họ nữa. Giáo-dục ở ngoài tôi (éducation par les autres) và cũng ở ta ra nữa (éducation par soi-même). Đem đồ tội cho giáo-dục mà bảo thanh niên không có tội gì cả, thực là lập luận có chút sơ sài.

3-) Khi ông T. P. giả nhời về đề «kinh nghiệm» của ông, ông lại viết: «Tôi có làm một cuộc điều tra về thanh niên đầu, tôi chỉ nghiên cứu thanh niên Việt-nam qua cái chế độ giáo dục họ chịu...» Hình như tư tưởng của

ông mâu thuẫn rồi. Nghiên cứu thanh niên ở đâu? Ở thực tại. Và nghiên cứu những thế phức tạp của thực tại có khác gì điều tra? Mà sao ông lại khinh rẽ sự điều tra thế? Trái lại trong sự xét các hiện tượng tâm lý và xã hội, điều tra kỹ lưỡng là một điều tối cần.

4-) Ông T. P. nói rằng trong quyền sách nhỏ ấy ông không thể đặt các phương pháp cho khỏi rời rạc và hồ đồ. Lẽ nào ông đã kê bao nhiêu chi tiết nhỏ để thực hành chương-trình của ông mà ông lại không xếp đặt được những chi tiết ấy?

Ông bảo chủ ý của ông là muốn tạo thành những «người hoạt động». Nhưng hoạt-động ra sao? «Trước khi hành động ta phải tư tưởng» (Agir, oui, mais avant d'agir il faut penser), theo như lời một văn sĩ Tây phương viết năm 1940. Vậy thì những nguyên tắc của hành động vẫn cần phải có, nếu không thì hoạt động chỉ là một sự xa phi sức lực.

5-) Ông T. P. nhận rằng lòng ham yêu cần thiết cho thanh niên. Ông bảo ông đã dễ lòng ham yêu lên đầu. Nhưng thực ra thuyết yêu đời của ông (optimisme) không phải hẳn là lòng ham yêu (enthousiasme), ai cũng dễ nhận như vậy.

Ông bảo muốn gây lòng yêu tha thiết trong tâm hồn thanh niên là tình kẻ nhất thời. Trái lại tôi cho rằng không có sức mạnh tinh thần gì cần phải nuôi giữ mãi mãi như lòng ham yêu (xin xem Nietzsche). Khi lòng ham yêu lý tưởng kém đi là sức mạnh của một dân tộc cũng suy bại.

*
* *

Trên đây là một vài ý kiến của tôi về bài trả lời của ông T. P. Xin tác giả cuốn M. N. G. D. hiểu cho rằng khi tôi phê-bình quyền sách của ông tôi là một thanh niên thiết-tha mong mỗi một tương lai tốt đẹp cho nước nhà. Tôi chỉ trích những sai lầm hoặc thiên lệch ở tác phẩm của ông cốt để đợi ở ông những sáng tác có giá-trị về sau này. Thiên chức của nhà phê-bình là trọng sự thực và định giá các tư tưởng cho công bằng.

D. A.

...Thu - nhật tài-liệu để giúp vào sự giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam...

Giáo dục thanh niên và nền Sơ học ở nước ngoài

(Tiếp theo trang 17)

tiểu học. Nhưng việc đó hiện thời không thể thực hành được vì những nhẽ về tài-chính. Đến bây giờ những trẻ nhà nghèo vẫn không được hưởng gì mấy về việc học không những vì chúng phải đi kiếm ăn từ thửa nhỏ mà cũng vì phần nhiều các trường tiểu-học đều lấy tiền học phí của học trò là các ông đốc trường thường chỉ vui lòng nhận con em các gia đình có thể-lực trong làng.

Chương-trình học đã đổi mới. Ngoài môn học tiếng Tàu, có lịch-sử, địa-dư, toán-pháp và khoa công-dân giáo-dục theo những tư-tưởng của Tôn-dật-Tiên là căn-bản của quan-niệm mới về chủ-nghĩa-quốc-gia. Nhưng phương-pháp giáo-khoa vẫn chưa đổi mới kịp để thích hợp với chương-trình. Các giáo viên lương không đủ ăn, phần nhiều thiếu kinh-nghiem về khoa sư-phạm. Họ vẫn giữ cái lối dạy cổ là lối dạy theo sách những bài học không có liên lạc gì với cuộc đời và hoàn cảnh xung quanh học đường.

Nền trung-học. - Trong mấy năm nay, nền trung-học mở mang rất mau chóng, học trò mỗi năm ở các trường trung-học ra hoặc không đủ lực để theo học ở các ban đại-học, hoặc không đủ tài để làm một nghề nghiệp gì, số đó rất nhiều và gây một vấn-đề xã-hội nghiêm trọng. Gần đây chính-phủ phải ra lệnh kiểm chế sự lập các trường trung học để mở mang nền học chuyên-nghiep và chuyên-môn.

Nền trung học ở Trung-hoa tổ chức theo kiểu mẫu nền trung-học Mỹ. Số niên học là sáu năm từ 12 đến 18 tuổi. Nền trung-học chia làm hai bậc nhưng chính ra chỉ một số ít học trò theo trọn cả hai bậc. Và lại phần nhiều các trường trung học cũng chỉ dạy có học dưới.

Mục-dịch nền trung-học là rèn-cấp học trò vào các trường Đại-học. Nhưng chưa tới một phần sáu học-trò ở các trường trung-học theo đuổi nền cao học.

Nền đại học. - Các trường đại-học hiện thời ở Trung-hoa là những cơ-quan truyền-bá nền văn-minh tây phương. Các trường đại-học cũng như các trường trung-học, mở mang rất mau chóng. Có 49 trường cao-đẳng và 34.000 sinh-viên. Các trường hoặc do chính- khủ lập ra hoặc là trường tư được chính-phủ thừa nhận ; những trường này phần nhiều do các người ngoại quốc lập ra và chiếm một nửa số sinh-viên trong nước.

Số giờ dạy khá nhiều, trên 20 giờ trong tuần-lễ, trong đó có chín giờ dùng vào môn võ-luyện.

Các môn học (khoa-học, luật-pháp, y-khoa...) phỏng theo các môn của nền đại-học Âu-Mỹ. Nhiều giáo-sư tốt nghiệp ở các trường ngoại-quốc, thường thấy sự khó khăn trong việc thích-nghĩ cái học tây-phương với hoàn-cảnh trong nước.

Nền học chuyên-nghiep. - Đó là một vấn-đề rất quan-trọng. Ở nước Tàu, sự Âu-hóa không những phải thay đổi khối óc của đám trí-thức. Nó còn phải đi liền với sự thay đổi về kỹ-thuật thì kết quả mới được sâu sa.

Chính-phủ Tàu gần đây đã cố gắng hết sức để mở mang nền học chuyên-nghiep trong nước. Nhưng kết quả chưa có chi là rệt rõ, vì thiếu các tay chuyên môn là những người đứng giữa làm liên-lạc phái trí thức với phái thợ thuyền và vì sự tổ-chức các trường chuyên-nghiep và lối dạy còn rời rạc và khuyết điểm nhiều lắm.

(Còn nữa)

VŨ-ĐÌNH-HOÈ

GLYCÉRINA : thuốc đánh răng trắng, bóng, lợi đỏ, thơm miệng, mát cổ không hại men răng.

BÁN TẠI :

Các hiệu tạp hóa. 0\$35

BUÔN TẠI :

Hãng dệt tricots, chemisettes, pull'overs

PHUC-LAI

87-89, Route de Huê Hanoi — Téléphone: 074

DENTFRICE MICROBICIDE



GLYCÉRINA

(Tiếp theo)

X

NGƯỜI ta khen cảnh êm ấm của gia đình.

Mậu, tuy hai vợ mà không hề có chuyện ghen tuông. Có người tò mò, chỉ quen biết Mậu qua loa, chưa từng đến nhà Mậu bao giờ, cũng tìm cớ đến chơi để xem mặt cô vợ lẽ. Họ mang theo về những cảm tưởng rất đẹp đẽ. Mấy bạn đồng sự thầm khen Mậu tốt số, có cô vợ bé trẻ măng, một vài bà ngạc nhiên rằng, trái với điều

cuộc số sát về bức ảnh, nó chỉ là một dịp để tình ghen tức sẵn ngấm ngấm trong người vợ cả phát lộ ra, thì cả hai chị em cùng đổi thái độ.

Họp quanh mâm cơm chiều hôm ấy, bà Mậu thấy nét mặt em hốc hác, mắt đầy ngấn lệ, bà cũng động lòng trắc ẩn. Xuất bữa ăn, Qui không ngừng lên. Nét mặt nàng là sự thất vọng, dáng điệu nàng là cái chán nản nó tràn lây cả đến người xung quanh. Bữa ăn không điếm lấy một câu chuyện. Anh chồng nhìn vợ cả, nhìn vợ lẽ, nói vài câu khôi hài nhạt nhẽo không ai hưởng ứng nó lại làm tăng vẻ khó chịu của mấy người. Anh chồng lại cảm đầu xuống bát ăn chọ mau xong.

Cơn giận đã qua, bà Mậu đã nói được những điều muốn; máu ghen đã được thỏa, bây giờ còn lại lòng thương của người chị đối với em gái. Lúc Qui nằm trong buồng, bà cũng đã suy nghĩ nhiều lắm. Bà đã bớt nóng, bình tĩnh hơn, cũng tự thấy không nên tàn nhẫn với em gái quá. Bà sợ em lộ quyền, ghét em đủ đôn với chồng, thì một trận lúc trưa cũng đã đủ cho người vợ lẽ hiểu địa vị mình. Bà chắc em không còn dám ra ngoài phạm vi ấy. Sự kết quả đã quá lòng bà muốn, Qui đã nhụt ngay, như vậy kể đã đủ trong lúc này. Bị dày vò quá, Qui có thể phản kháng, đâm khùng cãi lại, hoặc làm những việc quá khích. Bây giờ biết xử ra sao? Chưa có gì buộc chặt Qui. Lúc liều, người em có thể rút hết các liên lạc. Còn phải đợi cho Qui có con. Qui có con, bà sẽ được thỏa nguyện, và Qui, bị dằn buộc thêm, không còn mong thoát đi đâu.

Bà Mậu thấy còn cần phải nói rộng cho em và chồng, cho được tự do trong phạm vi bà định theo lòng tự ái và oai quyền một người vợ cả. Thỉnh thoảng Qui có quá bước ra ngoài giới hạn, thì bà lại sẽ nhắc cho biết bằng những cuộc nói chuyện đại khái như hôm nay. Xem dáng điệu Qui lúc ngồi ăn cơm, bà Mậu thấy không cần phải quá lo về điều sau này. Bài học hôm nay đã đủ lắm. Lòng tự ái, oai quyền bà đã được yên, tự nhiên bà thấy thương em, và muốn tỏ cho người em biết.

Đ Ú' A C O N

Tiểu - thuyết của
ĐỒ ĐỨC - THU

họ tưởng, sự cả lẽ lại không sinh chuyện gì.

Có người thọc mách, dò chuyện bà Tâm là người hay lui tới nhà Mậu, về cách sống trong gia đình ấy. Bà Tâm không tiếc lời khen một cảnh hòa hợp bà chưa từng thấy: vợ cả, vợ lẽ thương yêu nhau, kính mến nhau, không có một điều sích mịch. Người ta lại càng tin lắm. Bà Tâm đã sẵn cảm tình với bà Mậu. Thật ra, bà Tâm cũng không biết tý gì.

Họ khéo giấu lắm. Sau Từ hôm ấy, bà Mậu sắp hẳn ~~chăn nhốt~~ bên ngoài, nhường gian buồng cho chồng và Qui. Bà lại ngồi ngàoi, chiều chuộng em như hồi nào, Qui chỉ là người em gái đến chơi với anh chị. Những lúc có khách, bà lại càng tử tế hơn. Nói với Qui, một điều em, hai điều em. «Em đưa dùm chị bao chè... Em ra uống nước với bà phán...» Những người khách, cả đến bà Tâm, ranh mãnh và soi mói, đều phải lờ về thái độ ấy. Nó khen Mậu tốt phúc, được hai người vợ hiền.

Nhưng Qui không phải lờ.

Nàng đã hiểu rõ chị. Không cần phải suy nghĩ nhiều, chỉ do trực giác và linh tính người đàn bà, Qui cũng biết rõ bụng dạ người chị. Người chị bây giờ chỉ là người vợ cả, khi tranh một người đàn ông, thì đủ các tính ghen tức của mọi người vợ cả khác, không kể gì tính nghĩa chị em. Lúc nóng giận là lúc tâm tình con người biểu lộ một cách thực thà nhất, Qui thấy rõ người chị lắm.

Trong cuộc xung đột ấy, nếu Qui đem hết sức mình ra tranh người đàn ông, thì chắc nàng được phần hơn. Nàng có nhiều lợi khí hơn chị: nàng trẻ hơn, sinh hơn. Trong lúc đầu Mậu đang say mê, chắc quay về với cả vợ mới. Nhưng đó không phải ý nàng.

Qui, như phần đông các thiếu nữ, đã đặt hy vọng quá cao. Từ tuổi dậy thì, nàng đã sống với những giấc mộng yêu đương phồng theo các tiểu thuyết diễm tình. Mộng và thực khác nhau xa, thực cảnh chưa chất quá ~~đây~~ một mối thất vọng mênh mông, làm chìm đắm cả tài năng người con gái. Nàng như không còn sức làm một việc gì, nhất là cãi nhau với chị, gây nên những cuộc số sát ngày ngày, đề rồi lúc nào cũng phải nhìn về mặt thù ghét nhau. Qui thấy nhỏ nhen ty tiện quá.

Trong lúc này, giá được tình ái người đàn ông nâng đỡ, thì Qui cũng không đến nỗi thất vọng. Tình ái ấy cũng không có. Từ lúc nghe chị nói Mậu vì bất đắc dĩ lấy nàng, Qui để tâm gột xét chồng. Nàng giờ xét bằng cặp mắt thương nhìn xuống, bằng hai tai như lơ đãng mà không bỏ sót

một lời nói. Mỗi lời nói của Mậu đều bị biên chép, mỗi cử chỉ bị xét đoán. Rồi cả đến những hành vi, những lời nói đã qua mà nàng không để ý ngày nay chúng trở lại trong trí người con gái.

Mậu có thể cho hành vi của chàng là một chút nhân nhượng cho êm nhà. Đại khái như hôm đi chơi về, nói dối chưa ăn cơm; định vào buồng hôm sô sát mà quay ra ngay vì câu nói mát, và nhiều điều lật vặt khác. Quì cho đó là biểu hiệu một tâm hồn hèn nhát, một người đàn ông mà không dám đương hoàng theo ý muốn mình, lúc nào cũng cầu cho êm chuyện, lúc nào cũng nhân nhượng, cũng có dáng sợ sệt. Đàn ông gì mà nhu nhược đến thế? việc gì mà lúc nào cũng phải muốn vừa lòng vợ cả? Sao không bắt vợ phải cư xử cho vừa lòng mình, khi mình là người chồng có quyền đó?

Quì ngấm kỹ chồng. Trán ngắn và thấp, con mắt thiếu vẻ tôn vinh của người trí thức, không có những tia sáng của người có đảm lược. Hai môi dày, lúc cười có vẻ ngu độn. Vô vị. Cử chỉ thiếu vẻ khoáng đạt, chân tay làm gì cũng như lúng túng, vụng về.

Những lúc gần nhau, Mậu có tỏ vẻ âu yếm Quì, thì mắt trước mắt sau, trước hết phải nhìn xem vợ cả ở đâu. Quì lại càng khinh Mậu, khinh một cách một ngấm ngấm và lặng lẽ, không lộ ra cử chỉ.

Thấy chị tại tử tế, ngọt nhạt, Quì chỉ cười thầm, và càng thấy sự dả dối. Nàng thờ ơ đáp lại bằng bộ điệu bình thản, không vồn vã, không vui thích. Nàng cũng không nói câu gì có ý nghĩa mỉa mai, châm chọc, để người chị ngờ nàng vẫn bất bình. Người vợ cả càng chắc nàng đã thủ phận.

Quì ít ra ngoài. Mỗi khi có việc đi đâu, nàng chỉ ăn mặc sơ sài, không mó đến mấy cái áo mới may treo lì trên mắc, đã phảng phất mùi ẩm mốc. Khi người ta có điều phiền muộn, đã chán nản, thì không thiết gì đến trang điểm, ăn mặc. Bà Mậu cho rằng vì bà mà Quì không dám mặc áo mới. Muốn tránh tiếng nhỏ nhen, ganh ghét vì vài cái áo, và chính thâm ý bà cũng không phải ở chỗ ấy, bà Mậu muốn Quì ăn mặc như xưa. Có lúc như vô tình bà tự lấy chiếc áo lịch sự trên mắc đưa cho em. Quì lắc lười một cái, don lấy. Mặc chiếc ấy hay chiếc khác, đối với nàng không quan hệ gì. Nàng không muốn cho chị biết ý phản kháng. Bà Mậu cho là em bĩ hún nhường, lại càng thêm bằng lòng.

Bộ ba ấy sống với nhau như vậy, ở cùng nhà, ăn cùng mâm, nhưng không cùng ý nghĩ. Mỗi người như ở một phương nào, một thế giới xa xôi nào, ngẫu nhiên tụ họp, nhưng vẫn mang cái thế giới ấy trong tâm hồn họ, sống trong một cái vỏ kín bưng. Họ không hiểu nhau, không tin nhau, và không ai muốn tìm cách gây một nền thân ái thành thực. Không bao họ nói với nhau được những câu chuyện thật thà, đầm ấm cần cho hạnh

phúc gia đình.

Mậu vẫn chung đụng với Quì. Anh chàng chỉ biết có thân thể người vợ, ngày một xấu dần. Trong những lúc cần có sự hòa hợp của cả xác thịt và tâm hồn, có lẽ là lúc Quì xa chồng nhất. Khi Mậu ôm ấp nàng, thì ý nghĩ người con gái đi rất xa, những chốn người chồng không ngờ tới. Có khi nó lộn lại dĩ vãng; Quì nhớ tới Huy và đêm sáng trăng ở vườn hoa. Chỉ vì bức với Huy mà nàng đã nhận lời lấy Mậu. Nàng cũng không oán trách gì Huy, chàng cũng chẳng có tội lỗi gì. Huy chỉ nói có mấy câu không vừa ý, mà nàng đã vội nóng giận. Bây giờ... Bây giờ, nàng chịu ép một bề, sống bên một người đàn ông nàng không có cảm tình gì. Người ấy đã làm chủ nàng, chỉ vì danh nghĩa vợ chồng!

Tưởng tượng sẽ phải sống mãi như vậy, đề đi đến một chỗ nào, chôn hết tuổi xanh và hi vọng, Quì thấy uất ức, muốn phản kháng. Nhưng chỉ là điều trong ý nghĩ. Khó ọc người con gái xưa nay ít trực tiếp với thực tế, không tìm được cách gì, hoặc không mấy khi nghĩ chu đáo đến ý định thoát ly. Nàng chỉ lơ mơ cảm rằng không thể sống mãi cuộc đời ấy, đeo gánh nặng không biết đến ngày nào. Nàng như một chiến sĩ, bị thương ngay khi vừa vào trận, rồi nằm nhìn máu chảy dần dần mang hết khí lực trong người. Nhiều lúc muốn vin vào một lý gì để đỡ chán nản, Quì cho là tại « duyên số »; ở đời còn nhiều sự thống khổ, bất đắc chí, nhiều tâm hồn yếu ớt thì thuyết « số mệnh » còn được nhiều người tin tưởng. Trong lúc này, nó rất có ích cho Quì.

XI

MẤY cánh cửa sổ nhà Mậu mở rộng. Chiều hôm qua, bà mẹ ở vùng xuôi lên thăm rể và hai con. Ánh sáng vào thêm trong nhà, đồ đạc hết bụi bặm, mùi ẩm mốc bay đi, và mấy người thêm bận rộn, bớt thì giờ chỉ nghĩ đến nhau.

Mậu chào mẹ vợ, dắt xe đạp đi làm. Một lúc sau, vợ cả đi chợ, con ở cấp đồ theo sau. Trong phòng khách chỉ còn Quì và bà mẹ.

Bữa nước sáng đã tàn. Bà mẹ nhìn Quì sắp dọn ấm chén. Từ khi lấy chồng, người con gái út quý hóa của bà không có được bức thư về nhà, làm bà cụ sốt ruột phải mò lên. Cũng vì bà cụ quá hương con, muốn rõ cận trạng ra sao, chứ ở tuổi bà cụ, mỗi lúc đi xa phải dùng đến tàu, xe, là một dịp cho bao nhiêu lo ngại.

Bà cụ hỏi Quì :

— Đạo này con có được khỏe không?

Quì như chợt dạ, ngừng tay lau chén nhìn mẹ :

— Con vẫn được như thường.

Mỗi buổi sáng, lúc đưa mặt, trải đầu, tự nhìn mình trong gương, Quì cũng tự thấy mình sút kém. Kết quả của những điều phiền muộn nó làm mất ăn, mất ngủ.

Sự thay đổi đó chậm chạp, và sáng nào cũng tự nhìn mình, nàng không nhận thấy rõ ràng bằng mẹ. Lúc rời mẹ, mắt Qui trong và sáng, má tròn trặn, hồng hào. Bây giờ da nàng hơi xanh, mặt có vẻ ngơ ngác, má móp vào làm gò má thêm cao. Bà cụ ngờ con đau yếu. Nàng nói vẫn được khỏe, nhưng bà cụ không tin :

— Để trông con hình như mệt mỏi. Nếu được khỏe mạnh thì thôi, mà cộ khó chịu trong người thì bảo anh ấy lấy thuốc men ngay cho mà uống. Trông con cũng yếu lắm. Cần nhất là sức khỏe, sau này còn sinh đẻ, người yếu thì rồi nó ra lắm chứng, lắm bệnh lắm.

Tất cả quan niệm của bà cụ về cuộc đời gồm trong câu ấy : khỏe mạnh, no ấm, sinh đẻ. Ngoài ra, những truyện tâm tình, hoài bão, bà cụ không nghĩ đến. Có lẽ trong cuộc đời lo lắng cho chồng, xây dựng cho con, người đàn bà cổ ấy đã quá vất vả về nan cơm áo. Nó dần dần thất lòng người ta lại, ăn sâu vào tâm khảm. Bây giờ, bà cụ không biết rằng người ta có thể nghĩ ra ngoài mục đích ấy.

Bà cụ tiếp :

— Nhiều người lúc trẻ khỏe mạnh, mà chỉ sinh nở vài lần là yếu hẳn đi. Con phải cẩn thận lắm. Hễ thấy hơi mệt thì nên uống thuốc ngay.

Qui vội quay đi, dấu một cái nhếch môi chua chát. Đừng nói rằng hơi mệt, dù ngáy có ốm đến chết, nàng cũng không cần chồng và chị thuốc thang. Nàng sẽ chịu, can đảm và lặng lẽ, không phiền đến họ săn sóc nàng.

Nhưng làm thế nào để mẹ hiểu được nông nỗi đã gây ra tình cảnh ấy ?

Chiều hôm qua, lúc bà cụ xuống xe, Qui hấp tấp chạy ra đón mẹ, vui mừng đến rớt nước mắt. Nàng tưởng có thể nói hết tình cảnh nàng, sẽ có một người hiểu được nàng. Còn ai hiểu con bằng mẹ, nhất là người con, chưa từng ra khỏi nhà cho đến lúc lấy chồng.

Suốt buổi chiều, Qui mong một lúc nhà vắng ; suốt buổi chiều, bà Mậu không rời khỏi sách bà cụ. Bà Mậu nói chuyện huyền thuyên. Qui càng thấy chị đáng ghét, dả dối đối với mẹ cũng như đối với nàng. Mậu ở sở về. Qui không còn dịp nói chuyện riêng với mẹ.

Buổi tối, bốn người họp nhau dưới ngọn đèn. Bà cụ đầy vẻ hân hoan : ý muốn được sum họp yên v i của bà đã thành sự thực, bà cụ không còn lẽ gì phải buồn phiền. Cùng một lúc, được thấy hai con và r e trong cảnh ấm no, bà cụ đã đủ được các mối lo sợ cho con cái khi xưa. Bà cụ hiền hậu nổi bi ẩn của mấy người ấy, của hai con bà ; bà tạo ra sắc thịt, chứ không biết được tâm hồn.

Qui thấy không còn can đảm nói với mẹ những điều nàng nghĩ, giải bày tình cảnh nàng. Bà mẹ đã tin rằng các con sung sướng, tại sao lại để bà cụ thấy những nỗi đau khổ ? Bà mẹ cũng như

nàng, đã tưởng rằng cuộc hôn nhân êm đẹp. Nay nó soay ra một đường khác, đó không phải lỗi tại mẹ. Nàng và mẹ, cả hai mẹ con đã vụng suy, nàng không oán trách gì, chung qui cũng tại nàng đã bằng lòng. Nếu biết sự thực, bà cụ có thể ân hận vì đã làm khổ con gái, dù chỉ là vì tình. Tình cảnh ấy không hay gì cho một bà già đã luống tuổi, gần đất xa trời. Cụ còn sống ngày nào, nên cho cụ thấy những cái vui, cái đẹp nên để cụ tin cảnh đã đời ấy.

Bây giờ, chồng đi làm, chị đi chợ, ngồi một mình với mẹ, Qui không thấy muốn nói gì nữa. Thấy mẹ nói đến sức khỏe mình, nàng liệu nhời chống chế cho xuôi :

— Vài hôm nay con cũng thấy hơi mệt, không muốn ăn cơm, chắc tại trái tiết trời.

— Ừ, giờ này nh ều người ốm lắm. Gần cuối năm rồi mà còn gió nồm, t e cũng thấy khó chịu. C n có đi đâu thì phải ăn mặc cho cẩn thận.

Bà cụ vẫn coi nàng như còn bé, phải dặn dò cả đến ăn n ặc.

Qui bưng khay chén lại mặt tủ. Bỗng nàng đứng dừng lại. Nàng vừa thấy hoa mắt như bị thoáng gió, trái tim đưa lên cổ với một cái khó chịu no làm đạo dục muốn nôn. Nàng vội đặt khay xuống, vịn lấy thành tủ, mặt đã khỏi hoa, nhưng nàng vẫn thấy lợm đợm, và hồi hộp. Nàng đứng một lúc, chờ cho cảm giác đó qua. Bà cụ nhìn nàng :

— Con làm sao thế ?

Nàng gượng trả lời :

— Thừa mẹ không, con có làm sao đâu.

— Sao tự nhiên con tái đi thế.

Qui cúi mặt xuống, không dám nhìn mẹ :

— Con vừa thấy hơi chóng mặt, nhưng bây giờ đã khỏi rồi.

Vừa nói xong thì lại thấy muốn nôn, Qui vội đưa tay lên cổ, mặt nàng tái thêm, làm bà cụ lộ vẻ sợ hãi, vội khép kín cửa.

— Con khó chịu thì vào ngay trong buồng mà nằm. Lấy dầu mà xoa. Thôi cứ vào nằm đi, để để lấy dầu cho.

— Để để con lấy.

Bà cụ vào buồng, lục hộp trầu lấy một lọ quất thần mới, đi đâu bà cũng mang theo làm của tùy thân. Qui theo vào, đón lấy lọ dầu, và ngồi xuống mép giường. Sự khó chịu làm nàng quên cả ý muốn dừ dừ dầu mẹ, ng nằm ngà lên đóng chần, nhìn mấy cái mậ iện cùng quay quanh nàng, với góc tường và các đồ vật. Nàng nham mắt, đưa lọ dầu lên mũi hít mấy hơi mạnh.

Bà cụ hỏi :

— Con đã dễ chịu chưa ?

— Con đã khá, mấy hôm nay thỉnh thoảng con lại chóng mặt như thế, nhưng chỉ một lúc thôi.

— Thế à ? Con thấy thế từ bao giờ ?

Qui mệt nhọc trả lời :

— Đã vài ba hôm nay.

— Thảo nào thỉnh thoảng để lại thấy con tái đi

Thế giới

TRONG THÁNG VÙ'A QUA

của V. L.

MÙA rét đã tới. Tuyết bắt đầu rơi xuống mặt trận bên trời Tây. Nhưng cuộc chiến-tranh kinh khủng không phải vì thế mà ngừng hay chậm lại. Hai bên Nga-Đức đều cố hết sức đánh nhau. Một bên thì hi vọng kết liễu chiến-tranh trước khi mùa tuyết làm ngăn trở sự đi lại, một bên thì cố chống giữ để cho mùa rét tới kịp giúp mình.

Vì thế nên trận đánh ở Moscou (Mạc-Tư-Khoa) trong tháng này đã dữ dội muôn phần. Lực lượng quân-đội Nga-Đức đều tập trung cả ở đây. Trận đánh bắt đầu từ mùng một Octobre. Bốn mươi tám giờ sau quốc-trưởng Đức đọc một bài diễn-văn nói vì sao mà Đức phải đánh Nga. Theo lời Hitler thì vì Đức từ chối không cho Nga thôn tính nước Phần-lan, Lỗ-ma-ni, Ba-o, không cho Nga lập căn-cứ ở Dardanelles trên Hắc-Hải.

Ba ngày sau, cuộc tấn-công bắt đầu dữ-dội, không-quân Đức đánh phá các đường xe lửa và đường bộ, triệt lối vận-tải của quân đội Nga.

Kết quả mặt trận Nga bị vỡ trên 500 cây số từ

Veliki-Louki đến Orel, chỗ quân Đức tiến sâu được 250 cây số chỉ cách Moscou còn chừng 60 cây số. Nhưng Nga cố chết chống cự. Dân chúng trong thành đều phải ra lính hết: kẻ thì ra trận, kẻ ở nhà xây các pháo đài. Nga hi vọng sẽ kịp lập quân đội khác để thế vào và quyết định sẽ triệt hết thành phố Moscou nếu thua để cho quân Đức không lợi dụng được.

Vừa đến hết tháng này ta có thể tóm tắt tình hình mặt trận như sau này: Trong 7 thành phố lớn ở Nga thì 3 thành phố đã vào tay quân địch. Kiev bị hạ sau 99 ngày, Odessa sau 112 ngày, Kharkov sau 125 ngày. Hai thủ đô Leningrad và Moscou vẫn còn giữ được song Moscou thì chỉ nay mai là mất mà Leningrad bị vây kín đã 2 tháng giờ nay cũng nguy ngập lắm. Crimée đã vào tay quân Đức. Ở phía Bắc quân Phần tiến được hơn 100 cây số một cách dễ dàng.'

Tuy trận Moscou chưa kết liễu hẳn vì thời tiết xấu nhưng ảnh hưởng của trận tấn công có hiệu quả này rất lớn.

Bà cụ cúi cầm lấy tay Quì, và nhìn kỹ nét mặt nàng. Quì, mắt vẫn nhắm, không biết rằng bà mẹ đương chăm chú như muốn tìm trên nét mặt nàng một vẻ gì. Quì mở mắt thì bà cụ đã quay đi. Bà không còn vẻ sợ hãi khi nãy.

— Thôi con nằm mà nghỉ, đừng ra ngoài nữa gió máy.

Bà cụ đi ra, khép cửa buồng. Quì nằm im một lúc, rồi ngủ thiếp đi.

Quì thức giấc, nghe thấy tiếng mâm bên ngoài, và ai đã đập lên nàng một chiếc chăn mỏng. Nàng đã ngủ một giấc dài, và hẳn còn thêm ngủ. Hai mắt nặng muốn nhắm lại, tưởng nếu được ngủ luôn đến chiều, thì chắc dễ chịu lắm. Chóng mặt đã hết, người cũng không mệt mỏi lắm, nhưng nàng thấy uể oải, ở một chỗ lặng lẽ để được nằm yên.

Nhưng nàng cũng gượng dậy. Nàng ít khi ngủ ngày, và nhất là hôm nay có bà mẹ, Quì lại càng không muốn nằm. Nàng mở cửa ngang, ra sâu rửa mặt cho tỉnh ngủ, rồi vào phòng ăn.

Mấy người đã cầm đĩa. Bà Mệ thấy nàng, vội nói:

— Em đã dậy đấy à? Có ăn cơm không, hay để chốc nữa? Thấy em ngủ, không muốn đánh thức, chỉ để bảo để phần rồi.

Mệ thêm:

— Em đã khỏi chóng mặt chưa?

Quì chắc mẹ đã nói với chồng và chị chuyện nàng khó ở. Nàng trả lời:

— Em có sao đâu. Thôi để em ăn nhân thể cho tiện.

Nàng kéo ghế, ngồi vào bàn, cạnh mẹ. Bà cụ xé lại ghế cho vừa chỗ. Nàng bảo con sen mang lại những thức ăn để phần. Bà Mệ ngồi đầu bàn, cầm cái bát úp trước mặt nàng sôi cơm. Bữa ăn vừa bắt đầu; mấy đĩa sào, vài bát canh còn nguyên và đương bốc khói.

— Em xin chị.

Quì vừa đón lấy bát cơm, chưa đưa lên miệng, thì bát cơm nóng bốc qua mặt nàng lại làm nàng khó chịu, và hoa mắt. Rồi Quì thấy cả mùi mấy đĩa sào, một mùi gậy gậy, nặng nề và tanh, như khi vào trong bếp một hiệu cao-lâu khách, người ta thấy cả các mùi sào, nấu, hành tỏi, khói, bồ hóng, và mùi gạch ướt át. Nàng thấy lợm dợm, và cái mùi đó sông lên mãi. Bên cạnh nàng, mẹ, chồng và chị ăn rất ngon lành. Bà mẹ vừa ăn vừa nhìn nàng. Không muốn đứng lên, Quì cố và một miếng. Nàng chưa kịp nhai, thì ọe một tiếng. Các thức ăn trong người đưa lên, muốn nôn ra ngoài. Nàng vội đặt bát đĩa; mấy người ngạc nhiên buống bát, bà Mệ chạy lại đỡ lấy nàng:

(Còn nữa)

Ảnh - hưởng bên Anh

Dư luận đều sôn sao. Phái lao-động công kích chính-phủ kịch-liệt. Ông nghị Baker quả quyết rằng : « Biên thủy của Anh là ở trên sông Volga » và « chính phủ Anh đối với Nga đã có một thái-độ không quân-tử chút nào ». Kết luận ông yêu cầu lập một mặt trận ở phía tây chống với Đức.

Ông Eden thay mặt chính-phủ giả nhời vẫn một giọng rằng đã đem hết các khí-cụ chiến tranh đi giúp Nga rồi. Câu nói đủ tỏ rằng Anh không dám đổ bộ ở châu Âu vì quân không được luyện tập thế nào cũng thua.

Nhưng có điều hơi lạ là đã nói giúp Nga mà các cuộc đánh phá Đức bằng tàu bay của Anh rất thừa thớt. Nếu có dân chúng hô hào hay Nga thúc dục thì không-quân Anh hăng hái được một hai bận rồi dẫu lại vào đó.

Ảnh - hưởng bên Mỹ

Dư-luận cũng náo động. Dân chúng thiên dần về chiến-tranh. Người ta hô hào sửa đổi đạo luật trung-lập (Neutrality Act). Ông Roosevelt bắt các tàu buôn đều phải có súng sẵn sàng để đối phó với tàu ngầm Đức, lại ra lệnh cho phép các tàu chiến bắn trước.

Nhưng Đức... nên lại vừa đánh đắm một chiếc tàu chiến của Mỹ. Dư-luận lại càng sôi nổi. Lần này người ta đòi bỏ hẳn đạo luật trung lập, sửa đổi lại nền dân chủ.

Song le đạo luật vẫn đưa từ Hạ-nghị-viện lên Thượng-nghị-viện lại từ Thượng-nghị-viện xuống Hạ-nghị-viện mà vẫn chưa ngã ngũ ra sao.

Trong khi đó thì các thợ thuyền ở các siêng chế khí giới đình công làm ngừng hẳn cuộc chế tạo khí-cụ chiến tranh.

Ảnh-hưởng bên Nhật

Trận đánh bên Moscou đương bứt đội thì nội các Cận-Vệ đổ. Nội-các mới do nguyên soái Tojo

đứng đầu, khuynh-hướng của nội các là thiên về quân đội vì thế mà ba bộ Tổng-ly, Chiến-tranh, Nội-chinh đều ở tay tướng Tojo, bộ Hải-quân do Đô đốc Suinada giữ còn bộ ngoại-giao thì giao cho một nhà chuyên môn về các vấn-đề Đức là cựu đại-sứ ở Bá-linh Togo mà vợ là người Đức.

Việc giao thiệp Nhật-Mỹ vì đó mà thêm găng. Hạm-đội Mỹ đến thăm Tân-gia-ba. Có tin đồn đô-đốc Nomura gởi về nước Nhật. Hai người Anh bị bắt giam ở Đông-kinh. Nhật cải-chỉnh tin đã phái quân-đội xâm phạm Thái-lan. Đại-tá Knox tuyên bố rằng cuộc chiến-tranh Mỹ-Nhật khó tránh được.

Trong khi đó, ở bên Pháp...

Chính-phủ Pétain vẫn điềm tĩnh làm nổi công cuộc xây dựng lại tổ-quốc. Thống Chế vừa ban hành một thể-chế mới cho các viên chức làm việc với chính-phủ và một thể-chế mới cho Lao-công. Thể-chế cho Lao-công là một công cuộc vĩ-đại vì từ nay sự xung đột giữa hai phái chủ thợ sẽ không còn nữa.

Việc trừng phạt các người có trách nhiệm làm nước Pháp bại trận đã có kết quả. Hội đồng Tư-Pháp Chính-trị đã đệ bản án cho quốc-trưởng Theo bản án đó thì các ông Daladier, Blum và đại tướng Gamelin sẽ phải giam vào một pháo đài còn các ông Guy de la Chambre và Jacomet thì bị giam ở Bourrasol, các ông Reynaud và Mandel cũng bị giam như các ông Daladier và Blum tuy tội trạng chưa rõ rệt.

Cuộc giao thiệp Pháp-Đức càng thân-mật, nhiều vị thượng-thư Pháp đến miền chiếm đóng.

Tuy nhiên một việc đau đớn cho người Pháp vừa xảy: việc 50 con tin bị bắn đề dền lỗi cho mấy kẻ sát nhân đã ám hại hai võ quan Đức ở Nantes và Bordeaux. Nhờ Thống chế Pétain yêu cầu và nhờ đại-sứ Algeli vận-động nên việc xử bắn những con tin khác được hoãn lại. Quốc-trưởng Pháp vừa ra một đạo luật trừng trị những kẻ tòng phạm của kẻ sát-nhân.

SAIGON — 12 Sambourain — SAIGON

==== NHÀ SÁCH =====
Nguyễn - Khanh - Dàm

==== CÓ BÁN BÁO =====

« TRÉ EM »

Bán đủ báo sách Bắc, hàng hóa Bắc

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được những cuốn sách mới sau đây:

1-) **Gió trắng ngàn** của ông **Thế-Lữ**, sách dày 100 trang, do nhà **Đời-Nay** xuất bản, giá. 0\$70

2-) **Theo giồng** của ông **Thạch-Lam**, sách dày 97 trang, do nhà **Đời-Nay** xuất bản, giá. 0\$40

3-) **Ngoại ô phóng sự** liễu thuyết giải của ông **Nguyễn-đình-Lập**, do nhà **Đời-Nay** xuất bản, giá. 0\$90

4-) **Sách hồng số 19 «Cây tre trăm đốt»** của ông **Khái Hưng**, do nhà **Đời-Nay** xuất bản, giá. . . 0\$10

Xin trân-trọng cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới-thiệu với các bạn đọc.

ECLAT D'ARGENT

Dentifrice de choix



PHARMACIE DU BON SECOURS

M^{me} NGUYỄN-ĐÌNH-HOÀNG

Pharmacienne de lère classe

52 bis, Boulevard Đồng-Khánh

HANOI

ĐÃ CÓ BÁN :

THAM THÌ THÂM

Sách Hoa Mai của **Nguyễn-văn-Nghiêm**

giá. 0\$10



Tục-ngữ có câu: «Tham thì thâm». Ai cũng biết tham là xấu, mà không mấy người nén được lòng tham của mình. Truyện rất vui, rất ngộ-ngĩnh, tức cười, đã xảy ra ở giữa nơi sa-mạc hoang-vu, có những sóng cát gập-ghềnh, giải đến tận chân trời.

== NHÀ XUẤT BẢN ==

CỘNG-LỰC

Nº 9, Rue Takou, Hanoi

Chè tẩy không đau bụng.
Dùng ít nhuận tràng,
thông tiểu tiện. Dùng
lâu khỏi hẳn bệnh táo,
mụn, nhọt, lở, ngứa,
làm cho da trắng
và mịn. Rất hợp
với tạng đàn bà.



TISALAXA

Bán tại:

Pharmacie

TÍN

HANOI

và các hiệu thuốc lớn ở
ĐÔNG-PHÁP